HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY TNHH TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

TCSMOITRUONG **PROFILE**

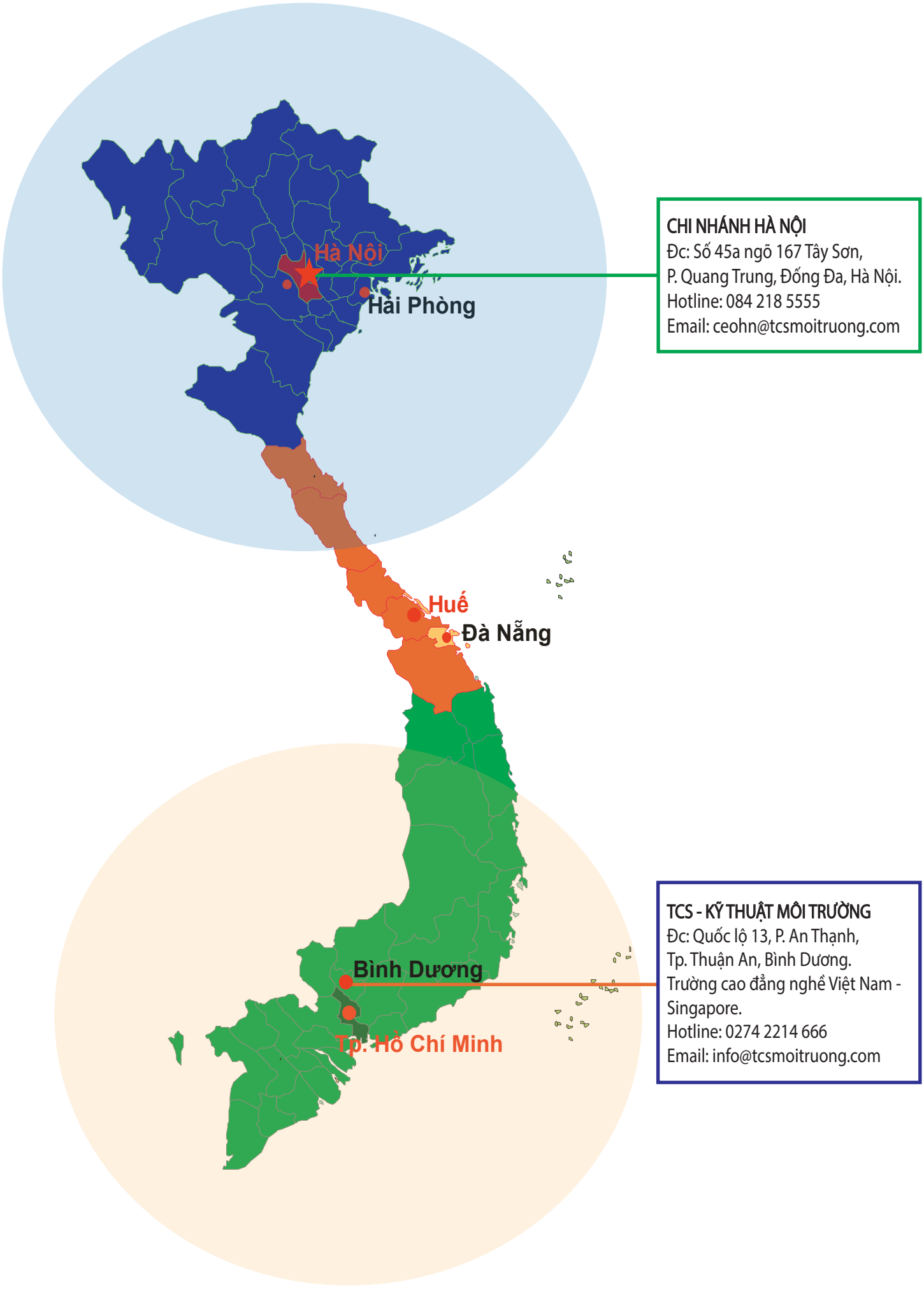

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Đc: Số 45a ngõ 167 Tây Sơn,
P. Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.
Hotline: 084 218 5555
Email: ceohn@tcsmoitruong.com

TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
Đc: Quốc lộ 13, P. An Thạnh,
Tp. Thuận An, Bình Dương.
Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore.
Hotline: 0274 2214 666
Email: info@tcsmoitruong.com

THƯ NGỎ

Quý khách hàng thân mến!

Lời đầu tiên, tôi xin thay mặt Công ty TNHH TCS - Kỹ thuật môi trường (TCSMOITRUONG) gửi tới Quý khách hàng lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khoẻ và thành công.

Ngày nay, "phát triển bền vững" không còn là một trào lưu mà đã trở thành xu thế tất yếu để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Và một trong những phần cốt lõi để doanh nghiệp phát triển bền vững đó chính là xây dựng một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh.

Xác định được tầm quan trọng của công tác An toàn, vệ sinh lao động trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa an toàn trong doanh nghiệp, TCSGroup đã được thành lập với sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực An toàn – Sức khỏe – Môi trường nhằm định hướng hỗ trợ toàn diện cho các doanh nghiệp trong công tác An toàn, vệ sinh lao động, hướng tới "một thế giới không tai nạn, bệnh nghề nghiệp".

TCSMOITRUONG là một thành viên của TCSGroup với mũi nhọn là tư vấn và cung cấp các giải pháp chăm sóc sức khoẻ người lao động thông qua quan trắc môi trường lao động.

TCSMOITRUONG cam kết mang đến cho khách hàng sự hài lòng tối đa bằng các sản phẩm chất lượng cao, đúng tiến độ với giá thành hợp lý nhất.

Trân trọng,

Giám đốc

M.S.C.N:3702653397-002-C.T.T.N.H.H
CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
Q. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

HỒNG QUANG THỐNG

1.1. Giới thiệu công ty

Công ty TNHH TCS - Kỹ thuật môi trường (TCSMOITRUONG) là đơn vị chuyên cung cấp các dịch vụ về An toàn, vệ sinh lao động. TCSMOITRUONG được các chuyên gia hàng đầu về lĩnh vực An toàn - Sức khoẻ - Môi trường thành lập và được Sở kế hoạch - đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy phép kinh doanh số 3702653397 vào năm 2018.

TCSMOITRUONG được Sở y tế tỉnh Bình Dương công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo Thông báo số 28/TB-SYT ngày 26/04/2018 và đã được Cục Quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế công bố trên cổng thông tin điện tử theo Công văn số: 1152/MT-LĐ ngày 21/08/2019.

Tên tiếng Việt:	**CÔNG TY TNHH TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**
Địa chỉ:	Số 45/31/20A đường Lê Hồng Phong, phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Giám đốc:	Ông TRẦN TRUNG
Điện thoại:	+84 (274) 2214 666
Website:	http://tcsmoitruong.com/
Mã số thuế:	3702653397

Tên tiếng Việt:	**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**
Tên tiếng Anh:	HA NOI BRANCH - TCS ENVIRONMENT TECHNICAL COMPANY LIMITED
Địa chỉ:	Số 45a, ngõ 167 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Giám đốc:	Ông HỒNG QUANG THỐNG
Điện thoại:	+84 (84) 218 5555
Website:	http://tcsmoitruong.com/
Mã số thuế:	3702653397-002

1.2. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

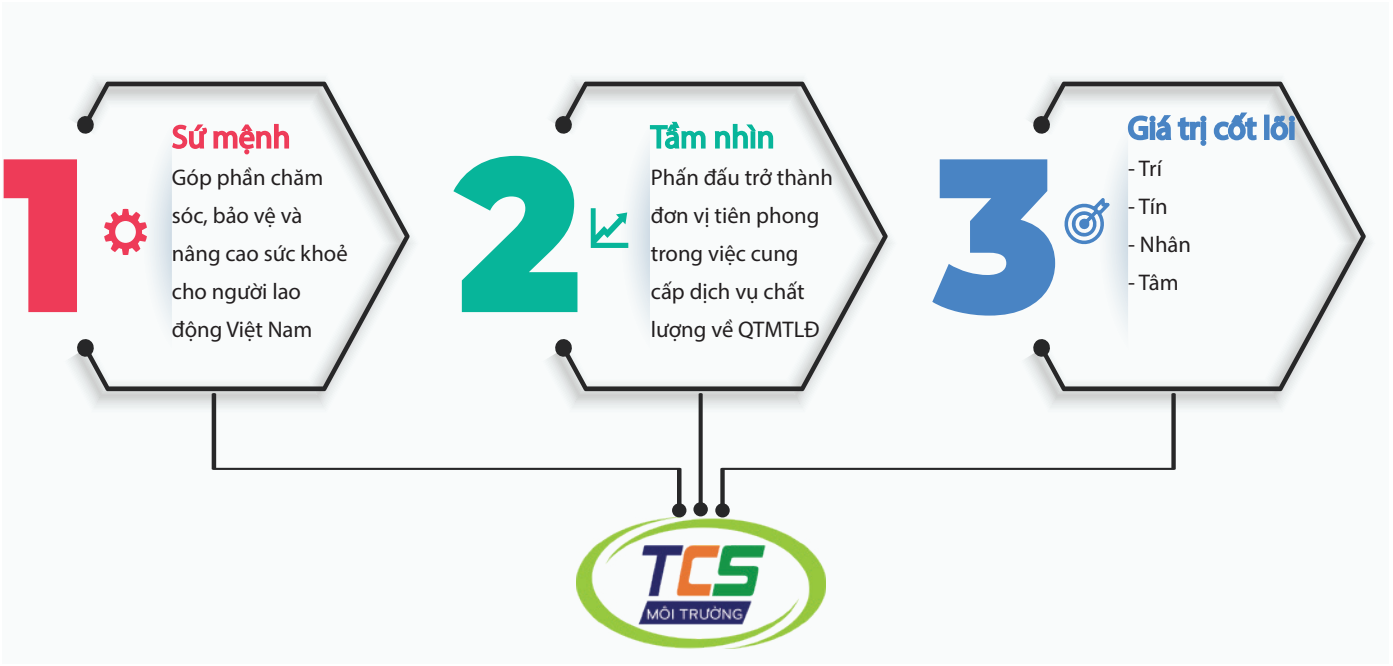

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TRÍ

Trong xã hội nhiều sự cạnh tranh, chúng tôi coi sáng tạo là điểm then chốt để tạo ra sự đột phá, sự khác biệt và bản sắc riêng của mình. Chúng tôi luôn khuyến khích công tác nghiên cứu, áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ thông tin vào thực tiễn; không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng chuyên môn – dịch vụ.

TÍN

Chúng tôi đặt chữ TÍN làm nền tảng quan trọng bởi chúng tôi hiểu được vị trí, vai trò của mình. Vượt lên trên lợi ích trong kinh doanh, chúng tôi luôn cố gắng để đảm bảo đúng và cao hơn cam kết của mình với đối tác để thể hiện vị thế, vai trò của một Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ An toàn vệ sinh lao động.

NHÂN

Chúng tôi luôn biết ơn và trân quý các đối tác của mình bởi họ chính là cầu nối để đưa chúng tôi đến với người lao động, giúp đỡ cho người lao động giám sát, phát hiện các yếu tố có hại trong môi trường làm việc, từ đó xây dựng những biện pháp để dự phòng các bệnh nghề nghiệp có thể phát sinh trong quá trình lao động.

Chúng tôi coi nhân viên của mình là tài sản quý giá nhất; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn.

TÂM

Chúng tôi luôn đặt sức khoẻ của người lao động làm trung tâm. Đặt lợi ích và mong muốn của họ lên hàng đầu. Luôn luôn lắng nghe những ý kiến phản hồi của họ để tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục giúp họ yên tâm làm việc.

Chúng tôi cũng luôn chăm sóc các đối tác của mình bằng sự nguyện và trân trọng nhất bởi họ xứng đáng được nhận điều đó vì những đóng góp cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ người lao động.

1.3. Mục tiêu

Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ

Mục tiêu của chúng tôi là trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực quan trắc môi trường lao động

Lấy khách hàng làm trọng tâm

Chúng tôi cam kết phấn đấu thoả mãn tối đa nhu cầu của khách hàng, lấy tín nhiệm của khách hàng làm mục đích hoạt động.

Luôn năng động sáng tạo

Chúng tôi tạo ra môi trường làm việc thoải mái, chuyên nghiệp để mọi cá nhân có thể tự do phát huy hết khả năng. Đồng thời chúng tôi luôn thúc đẩy các hoạt động cải tiến, đổi mới nhằm không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ.

1.4. Quá trình phát triển

09/2013

TCSHANOI được thành lập

Cung cấp 3 nhóm dịch vụ chính: Đào tạo, tư vấn, đánh giá An toàn - Môi trường

12/2015

Thành lập chi nhánh TCSHANOI

TCSHANOI chi nhánh miền nam ra đời

06/2016

TCSHANOI mở rộng chức năng Kiểm định kỹ thuật an toàn

TCSHANOI có chức năng kiểm định các loại máy, thiết bị theo TT số 05/2014/TT-BLĐTBXH

03/2017

Thành lập HSE Corner

Là tổ chức dành cho sinh viên, người làm công tác trong lĩnh vực HSE.

05/2018

TCSMOITRUONG được thành lập

Cung cấp các dịch vụ về Quan trắc môi trường lao động, tư vấn lập hồ sơ VSLĐ, khám sức khoẻ định kỳ, bệnh nghề nghiệp

09/2018

TCSCONS được thành lập

Cung cấp các dịch vụ an toàn trong lĩnh vực xây dựng

02/2019

TCSHANOI mở rộng chức năng Đánh giá hợp quy

TCSHANOI có chức năng đánh giá sự phù hợp quy chuẩn phương tiện bảo vệ cá nhân mắt, mặt.

01/2021

Chi nhánh HN - TCSMOITRUONG được thành lập

Chi nhánh Hà Nội được thành lập, hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của TCSMOITRUONG

II. BỘ MÁY TỔ CHỨC

2.1. Sơ đồ tổ chức

Bộ máy hoạt động của TCSMOITRUONG được mô tả theo sơ đồ dưới đây:

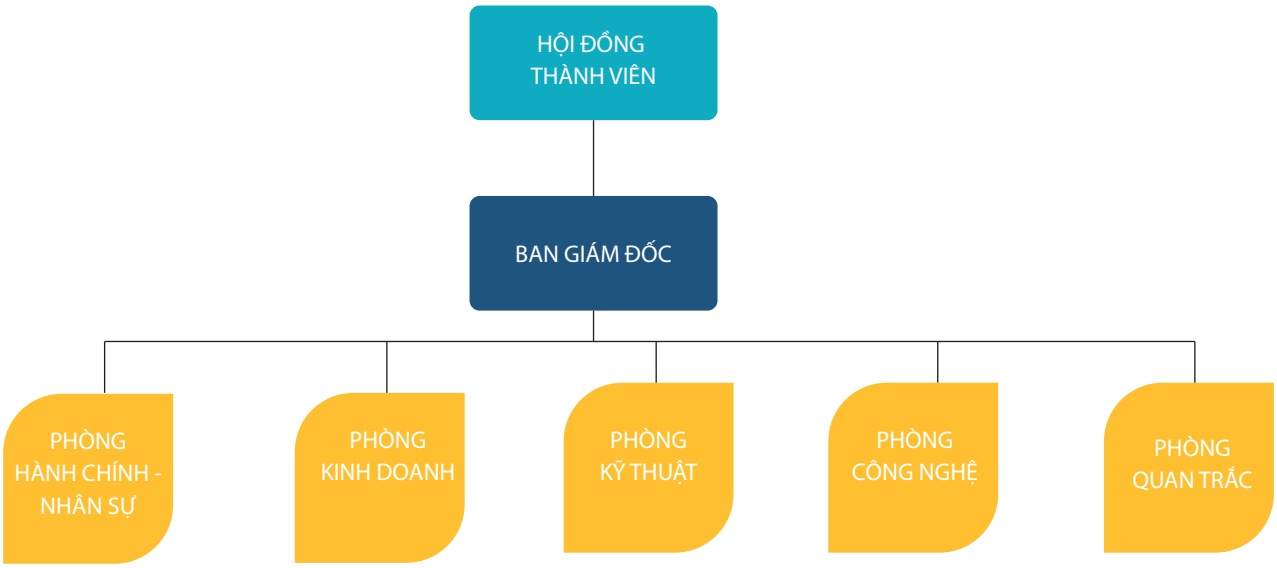

2.2. Thế mạnh

TCSMOITRUONG CHÚNG TÔI TỰ HÀO:

Lực lượng nhân sự nòng cốt là những NGƯỜI VIỆT TRẺ

Được đào tạo chuyên ngành Y khoa, hoá học, môi trường tại các trường đại học chính quy như: Đại học Y Hà Nội, Đại học Công Đoàn, Đại học Khoa học tự nhiên, Học viện Nông nghiệp... với nhiều năm kinh nghiệm làm việc thực tế tại các đơn vị nhà nước (Viện sức khoẻ nghề nghiệp và môi trường - Bộ Y tế, Trung tâm y tế môi trường lao động Công thương - Bộ Công thương cũng như các nhà máy và dự án lớn trong nước, nước ngoài (Microsoft Mobile, Samsung, Honda, Toyota, Posco…) và đội ngũ giảng viên đang giảng dạy tại các trường đại học.

Cung cấp dịch vụ là GIẢI PHÁP TỔNG THỂ cho khách hàng

Là thành viên của TCSGroup, chúng tôi tự hào có đội ngũ chuyên gia tư vấn là các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực an toàn, môi trường, sức khoẻ được đào tạo bài bản, chuyên sâu ở các trường đại học lớn ở Việt Nam cũng như nước ngoài (Mỹ, Pháp, Nhật Bản…); chúng tôi cung cấp dịch vụ từ đào tạo huấn luyện đến triển khai thực hiện, mang tới cho khách hàng giải pháp đầu tư tối ưu cho công tác An toàn lao động, vệ sinh lao động.

Luôn đảm bảo lợi ích khách hàng lên hàng đầu

TCSMOITRUONG có đầy đủ trang thiết bị, phương tiện, nhân sự giàu kinh nghiệm được đào tạo bài bản, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu mà khách hàng đặt ra.

3.1. Quan trắc môi trường lao động

Đo kiểm môi trường lao động

Đo các yếu tố: nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bức xạ nhiệt, ánh sáng, tiếng ồn, độ rung, phóng xạ, điện từ trường, bụi, khí độc, vi sinh vật gây bệnh, tâm sinh lý lao động và ecgônômi, đánh giá yếu tố tiếp xúc nghề nghiệp và các yếu tố khác.

Hướng dẫn kiểm soát các yếu tố có hại

Dựa trên các yếu tố vượt chỉ tiêu cho phép gây ảnh hưởng đến sức khỏe và bệnh nghề nghiệp đối với người lao động, chúng tôi đưa ra các khuyến cáo và các biện pháp giúp Doanh nghiệp của bạn kiểm soát các yếu tố này.

Tư vấn lập hồ sơ vệ sinh lao động

Hồ sơ vệ sinh lao động là căn cứ để người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch quan trắc môi trường lao động từ đó kiểm soát được các yếu tố nguy hiểm, cải thiện điều kiện làm việc, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho người lao động

Triển khai các biện pháp kiểm soát Môi trường lao động

Căn cứ vào kết quả đo kiểm của cơ sở, chúng tôi hướng dẫn Doanh nghiệp triển khai các biện pháp nhằm cải thiện môi trường làm việc tốt hơn hoặc những phương tiện bảo vệ cá nhân cần áp dụng để bảo vệ sức khỏe người lao động.

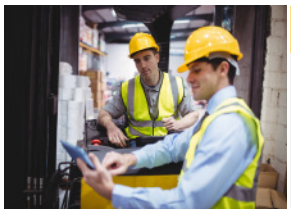

Tư vấn phân loại điều kiện lao động

Tư vấn phân loại điều kiện lao động theo Công văn số 2753/LĐTBXH - BHLĐ ngày 01/08/1995 của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội

Tư vấn bồi dưỡng bằng hiện vật

Tư vấn bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại theo Thông tư số 25/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 18/10/2013.

Tư vấn cải thiện điều kiện lao động

Thông qua khảo sát, đánh giá hiện trạng của doanh nghiệp, chúng tôi xây dựng các giải pháp tổng thể mang tính khả thi, tiết kiệm chi phí giúp doanh nghiệp có được môi trường làm việc lành mạnh, an toàn.

3.2. Huấn luyện An toàn lao động, vệ sinh lao động (*)

Huấn luyện An toàn lao động, vệ sinh lao động

Các khóa huấn luyện được xây dựng theo chương trình khung và cho các nhóm đối tượng được quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP và nghị định 140/2018/NĐ-CP cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ, sổ huấn luyện theo quy định của Thông tư này.

Huấn luyện Kỹ thuật an toàn hóa chất

TCSHANOI liên kết hoạt động với Sở công thương các tỉnh, tổ chức huấn luyện và cấp giấy chứng nhận An toàn hóa chất theo quy định tại Nghị định 113/2017/NĐ-CP và hoàn thiện hồ sơ liên quan.

Huấn luyện Kỹ thuật an toàn điện

TCSHANOI huấn luyện Kỹ thuật an toàn điện theo Thông tư 31/2014/TT-BCT; hoàn thiện hồ sơ huấn luyện, cấp chứng nhận theo quy định của Thông tư này.

3.3. Các dịch vụ đào tạo khác (*)

Kỹ năng cứu hộ cứu nạn

Bao gồm các kỹ năng cứu hộ cứu nạn trong các trường hợp khẩn cấp như: Kỹ năng thoát nạn trong đám cháy, kỹ năng tạo cáng bằng áo, kỹ năng nhận diện mối nguy và phòng vệ...

Kỹ năng sơ cấp cứu tại chỗ

Bao gồm các kỹ năng: Sơ cứu vết thương, cầm máu, hô hấp nhân tạo, ép tim ngoài lồng ngực, sơ cứu choáng, sơ cứu bỏng, xử lý nghẹt thở, xử lý bong gân, căng cơ, trật khớp...

Kỹ năng triển khai công tác An toàn

Bao gồm các kỹ năng triển khai Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp ISO 45001, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 và Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001...

Ergonomics

Khóa đào tạo Ergonomics nhằm hướng dẫn giải quyết một cách tối ưu mối quan hệ giữa con người và các công cụ và đối tượng lao động, mối quan hệ giữa con người với con người trong một tổ chức...

3.4. Kiểm định an toàn lao động (*)

Nồi hơi, bình chịu áp lực

Kiểm định kỹ thuật an toàn vận hành nồi hơi, bình chịu áp lực và cấp Giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định, hoàn thiện hồ sơ cho nồi hơi, bình chịu áp lực.

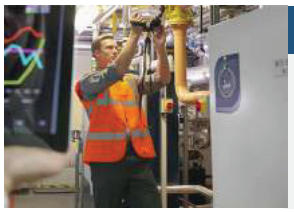

Hệ thống các thiết bị chịu áp lực

Kiểm định kỹ thuật an toàn vận hành Hệ thống các thiết bị chịu áp lực và cấp Giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định, hoàn thiện hồ sơ cho Hệ thống các thiết bị chịu áp lực.

Thang máy, thang cuốn, băng tải, máy vận thăng

Kiểm định kỹ thuật an toàn vận hành thang máy, thang cuốn, băng tải, máy vận thăng và cấp Giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định, hoàn thiện hồ sơ cho thang máy, thang cuốn, băng tải, máy vận thăng.

Thiết bị nâng

Kiểm định kỹ thuật an toàn vận hành thiết bị nâng và cấp Giấy chứng nhận kiểm định, dán tem kiểm định, hoàn thiện hồ sơ thiết bị nâng.

Bồn chứa, đường ống và hệ thống LPG

Kiểm định kỹ thuật an toàn về bồn chứa LPG; đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại; hệ thống nạp/ Trạm nạp LPG; Hệ thống cung cấp/ Trạm cấp LPG theo quy định tại thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/07/2017

Kiểm định phương tiện đo lường Áp kế

Kiểm định phương tiện đo căn cứ theo theo quy định tại nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016

3.5. Dịch vụ khảo sát và đánh giá trên hiện trường (*)

Đánh giá rủi ro

Với đội ngũ đánh giá viên có kinh nghiệm và được đào tạo trong và ngoài nước, TCSHANOI không chỉ tư vấn triển khai mà còn thực hiện đáng giá rủi ro trực tiếp tại cơ sở của Doanh nghiệp.

Giám sát, theo dõi định kỳ hoặc liên tục công tác AT - SK - MT

Chúng tôi đồng hành cùng Doanh nghiệp giám sát, theo dõi định kỳ hoặc liên tục công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường. Qua đó chúng tôi giúp doanh nghiệp của bạn không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng công tác này.

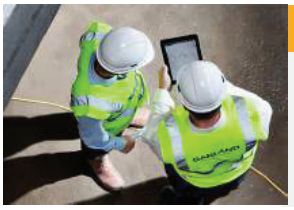

Đánh giá tổng thể hiện trạng công tác AT - SK - MT

TCSHANOI cung cấp dịch vụ đánh giá tổng thể hiện trạng công tác An toàn - Sức khỏe - Nghề nghiệp tại Doanh nghiệp của bạn, mục đích nhằm hướng dẫn tuân thủ luật pháp và các quy định có liên quan.

3.6. Các dịch vụ tư vấn (*)

Triển khai công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường

Để thực hiện công tốt công tác này tại doanh nghiệp, TCSHANOI hướng dẫn các. Doanh nghiệp thực hiện chi tiết từng bước từ lập kế hoạch đến triển khai, theo dõi, đánh giá công tác An toàn - Sức khỏe - Nghề nghiệp.

Triển khai ISO45001 và ISO 14001

TCSHANOI tư vấn áp dụng và triển khai ISO 45001 và ISO 14001 cho tất cả các tổ chức mong muốn loại bỏ hoặc giảm thiểu rủi ro An toàn - Sức khỏe - Nghề nghiệp - Môi trường.

Quản trị rủi ro

TCSHANOI hướng dẫn quá trình xây dựng và thực hiện hệ thống quản trị rủi ro tại Doanh nghiệp, đồng thời TCSHANOI giúp doanh nghiệp của bạn các cách thức phù hợp để loại bỏ hoặc kiểm soát các mối nguy...

Tuân thủ luật định về An toàn - Sức khỏe - Môi trường

Trên cở sở nắm rõ các nội dung pháp luật liên quan đến công tác An toàn - Sức khỏe - Môi trường, TCSHANOI tư vấn các Doanh nghiệp việc tuân thủ thực hiện pháp luật trong nước cũng như quốc tế, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên

Phương án chữa cháy, ứng phó tình huống khẩn cấp

Với đội ngũ chuyên gia có dày dạn kinh nghiệm, TCSHANOI hỗ trợ Doanh nghiệp xây dựng phương án chữa cháy, ứng phó tình huống khẩn cấp; đồng thời giúp doanh nghiệp theo dõi, đánh giá công tác này.

5S và KAIZEN

TCSHANOI tư vấn cho Doanh nghiệp các bước triển khai và áp dụng 5S và KAIZEN nhằm cải tiến hiệu quả hoạt động và nâng cao năng suất tại nơi làm việc.

3.7. Đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn hợp quy (*)

Thiết bị sản phẩm hàng hóa Nhóm 2 đăng ký kiểm tra tại Cục An toàn lao động- Bộ LĐTB&XH

Thang máy, thang cuốn	QCVN 02:2011/BLĐTBXH QCVN 18:2013/BLĐTBXH	QCVN 26:2016/BLĐTBXH QCVN 32:2018/BLĐTBXH QCVN 11:2012/BLĐTBXH

Thiết bị sản phẩm hàng hóa Nhóm 2 do các sở Lao động địa phương quản lý

Nhóm thiết bị nâng

- Cầu trục
- Cần trục, Pa lăng điện - kéo tay, tời điện, bàn nâng, sàn nâng, vận thăng....

QCVN 07:2012/BLĐTBXH
QCVN 12:2013/BLĐTBXH
QCVN 13:2013/BLĐTBXH
QCVN 16:2013/BLĐTBXH

QCVN 20:2015/BLĐTBXH
QCVN 29:2016/BLĐTBXH
QCVN 30:2016/BLĐTBXH
TCVN 4244:2005

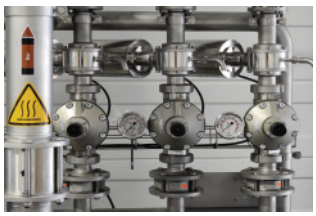

Nhóm thiết bị áp lực

- Nồi hơi có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar. Bình, bồn, bể, xi téc có áp suất làm việc định mức trên 0,7 bar theo phân loại tại TCVN 8366:2010

TCVN 5346:1991
TCVN 6155:1996
TCVN 6156:1996
TCVN 7704:2007

QCVN 01:2008/BLĐTBXH
TCVN 6008:2010
TCVN 8366:2010

Nhóm thiết bị làm lạnh

- Hệ thống lạnh theo phân loại tại TCVN 6739:2015 và các linh kiện

QCVN 21:2015/BLĐTBXH
TCVN 6104-1,2,3,4:2015

Đánh giá hợp chuẩn hợp quy Phương tiện bảo vệ cá nhân

Phương tiện bảo vệ đầu (mũ an toàn công nghiệp)		QCVN 06:2012/BLĐTBXH TCVN 6407:1998 TCVN 2603:1987
Phương tiện bảo vệ mắt, mặt (kính chống hồng ngoại, bức xạ, tia Rơnghen, phóng xạ, kính hàn, mặt nạ hàn		TCVN 5082:1990 TCVN 5039:1990
		TCVN 6157:1999 QCVN 27:2016/BLĐTBXH QCVN 28:2016/BLĐTBXH
Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp (Khẩu trang, mặt nạ và bán mặt nạ lọc bụi; Khẩu trang, mặt nạ và bán mặt nạ lọc hơi khí độc		QCVN 08:2012/BLĐTBXH QCVN 10:2012/BLĐTBXH
Phương tiện bảo vệ tay (găng tay BHLĐ chống đâm thủng, cứa rách, chống cháy, cách điện, chống hoá chất		TCVN 8838-1,2,3:2011 QCVN 24:2014/BLĐTBXH
Phương tiện bảo vệ chân (giầy chống đâm thủng, cứa rách, va đập, hoá chất; Ủng cách điện)		TCVN 7651:2007 TCVN 7652:2007 TCVN 7653:2007 TCVN 7654:2007
		TCVN 7544:2005 TCVN 7545:2005 TCVN 6412:2009 TCVN 8197:2009 QCVN 15:2013/BLĐTBXH
Dây đai an toàn và Hệ thống chống rơi ngã cá nhân		QCVN 23:2014/BLĐTBXH

3.8. Quan trắc môi trường: VIMCERT 099 (**)

Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đánh giá tác động môi trường ĐTM là việc phân tích, dự báo các tác động của dự án đầu tư đến môi trường để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó (Theo khoản 23, điều 3 giải thích từ ngữ, Chương I Quy định chung, luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13)

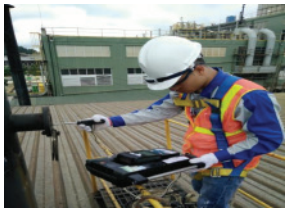

Lập quy hoạch bảo vệ môi trường

Quy hoạch bảo vệ môi trường là việc phân vùng môi trường để bảo tồn, phát triển và thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gắn với hệ thống giải pháp bảo vệ môi trường trong sự liên quan chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm phát triển bền vững.

Quan trắc và phân tích môi trường

Thực hiện các hoạt động lấy mẫu lấy mẫu phục vụ việc phân tích & đánh giá chất lượng nước mặt – nước thải, đất mặt, bùn thải, trầm tích, chất thải rắn theo tiêu chuẩn TCVN, QCVN theo yêu cầu của khách hàng

Dịch vụ tư vấn môi trường

Tư vấn phân tích đo đạc môi trường, tham gia quan trắc, giám sát chất lượng môi trường, lập báo cáo về môi trường

(*) Các dịch vụ huấn luyện, đào tạo, tư vấn, kiểm định, đánh giá chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn, hợp quy do Công ty TNHH dịch vụ đào tạo và tư vấn Hà Nội (TCSHANOI) thực hiện

(**) Các dịch vụ quan trắc môi trường do Viện Khoa học môi trường và sức khoẻ cộng đồng (IESH) thực hiện

4.1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TCSMOITRUONG

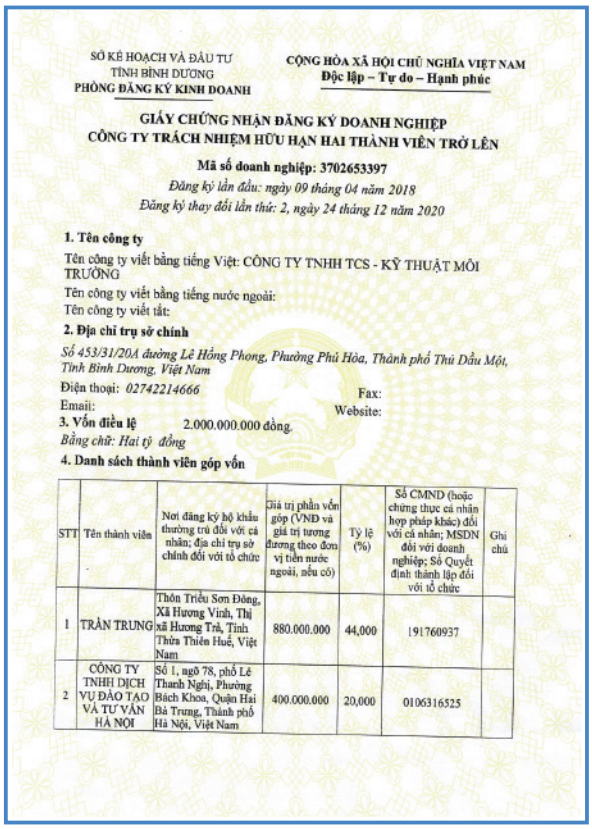

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3702653397
Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 04 năm 2018
Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 24 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty
Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính
Số 453/31/20A đường Lê Hồng Phong, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại: *02742214666* Fax:
Email: Website:

3. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng.
Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN TRUNG	Thôn Triều Sơn Đông, Xã Hương Vinh, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	880.000.000	44,000	191760937	
2	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN HÀ NỘI	Số 1, ngõ 78, phố Lê Thanh Nghị, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	20,000	0106316525	
3	HỒNG QUANG THÔNG	Thôn Kim Đôi, Xã Cẩm Hoàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	400.000.000	20,000	030091001818	
4	CÔNG TY TNHH TCS GROUP	Tổ 74, ô 7 lô 3 Đền Lừ, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	320.000.000	16,000	0108477479	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty
* Họ và tên: TRẦN TRUNG Giới tính: *Nam*
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc
Sinh ngày: *12/12/1991* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy chứng thực cá nhân: *191760937*
Ngày cấp: *20/06/2016* Nơi cấp: *Công an tỉnh Thừa Thiên Huế*
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Triều Sơn Đông, Xã Hương Vinh, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam*
Chỗ ở hiện tại: *Số 453/31/20A đường Lê Hồng Phong, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Xuân

Giấy chứng nhận ĐKKD Công ty TCS - Kỹ thuật môi trường

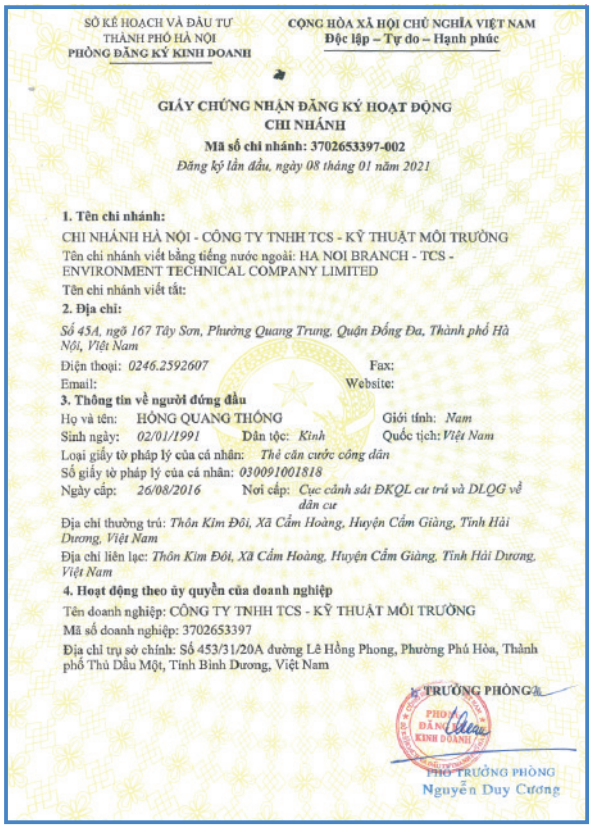

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH
Mã số chi nhánh: 3702653397-002
Đăng ký lần đầu, ngày 08 tháng 01 năm 2021

1. Tên chi nhánh:
CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI BRANCH - TCS - ENVIRONMENT TECHNICAL COMPANY LIMITED
Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:
Số 45A, ngõ 167 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: *0246.2592607* Fax:
Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu
Họ và tên: HỒNG QUANG THÔNG Giới tính: *Nam*
Sinh ngày: *02/01/1991* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030091001818*
Ngày cấp: *26/08/2016* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
Địa chỉ thường trú: *Thôn Kim Đôi, Xã Cẩm Hoàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *Thôn Kim Đôi, Xã Cẩm Hoàng, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp
Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG
Mã số doanh nghiệp: 3702653397
Địa chỉ trụ sở chính: Số 453/31/20A đường Lê Hồng Phong, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Duy Cương

Giấy chứng nhận ĐKKD Chi nhánh Hà Nội Công ty TCS - Kỹ thuật môi trường

4.2. Giấy phép đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường lao động

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ Y TẾ

Số: 28 /TB-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 26 tháng 4 năm 2018

THÔNG BÁO
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BYT ngày 30/6/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn Quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

Sở Y tế thông báo danh sách các cơ sở đủ điều kiện Quan trắc môi trường lao động trên cổng thông tin của Sở Y tế như sau:

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Ngày công bố	Ghi chú
01	Công ty TNHH TCS - KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	Số 453/31/20A Lê Hồng Phong, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	16/4/2018	

Nơi nhận:
- Thanh tra Sở;
- Website SYT;
- Lưu: VT, NV (02).

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Ngô Hồng Châu

Tra cứu thông tin tại:
https://soyte.binhduong.gov.vn/Lists/congbodanhsach/DispForm.aspx?ID=120&CategoryId=Đơn%20vị%20ĐĐK%20thực%20hiện%20hoạt%20động%20quan%20trắc%20môi%20trường%20lao%20động&InitialTabId=Ribbon.Read

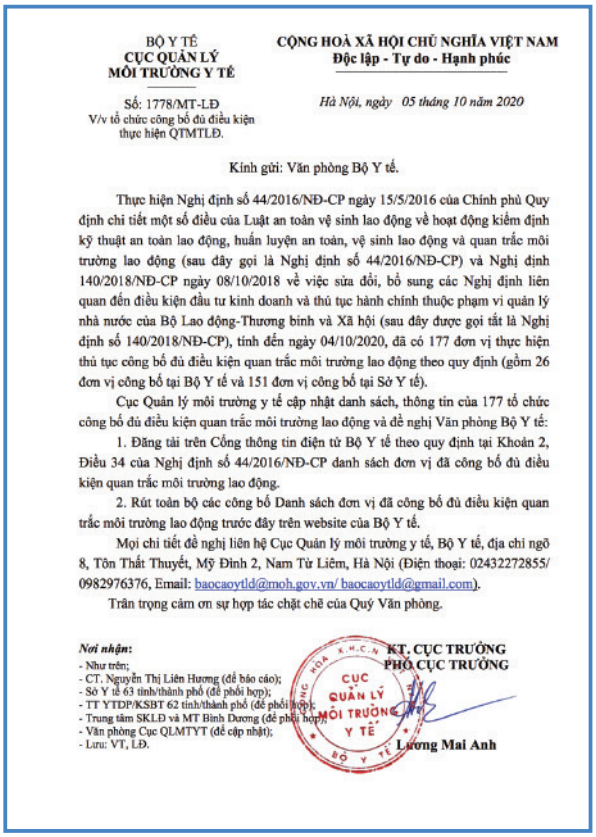

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Y TẾ

Số: 1778/MT-LĐ
V/v tổ chức công bố đủ điều kiện thực hiện QTMTLĐ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Văn phòng Bộ Y tế.

Thực hiện Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động (sau đây gọi là Nghị định số 44/2016/NĐ-CP) và Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 về việc sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (sau đây được gọi tắt là Nghị định số 140/2018/NĐ-CP), tính đến ngày 04/10/2020, đã có 177 đơn vị thực hiện thủ tục công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động theo quy định (gồm 26 đơn vị công bố tại Bộ Y tế và 151 đơn vị công bố tại Sở Y tế).

Cục Quản lý môi trường y tế cập nhật danh sách, thông tin của 177 tổ chức công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động và đề nghị Văn phòng Bộ Y tế:

1. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế theo quy định tại Khoản 2, Điều 34 của Nghị định số 44/2016/NĐ-CP danh sách đơn vị đã công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

2. Rút toàn bộ các công bố Danh sách đơn vị đã công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động trước đây trên website của Bộ Y tế.

Mọi chi tiết đề nghị liên hệ Cục Quản lý môi trường y tế, Bộ Y tế, địa chỉ ngõ 8, Tôn Thất Thuyết, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội (Điện thoại: 02432272855/ 0982976376, Email: baocaoytld@moh.gov.vn/ baocaoytld@gmail.com).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác chặt chẽ của Quý Văn phòng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT. Nguyễn Thị Liên Hương (để báo cáo);
- Sở Y tế 63 tỉnh/thành phố (để phối hợp);
- TT YTDP/KSBT 62 tỉnh/thành phố (để phối hợp);
- Trung tâm SKLĐ và MT Bình Dương (để phối hợp);
- Văn phòng Cục QLMTYT (để cập nhật);
- Lưu: VT, LĐ.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG Y TẾ

Lương Mai Anh

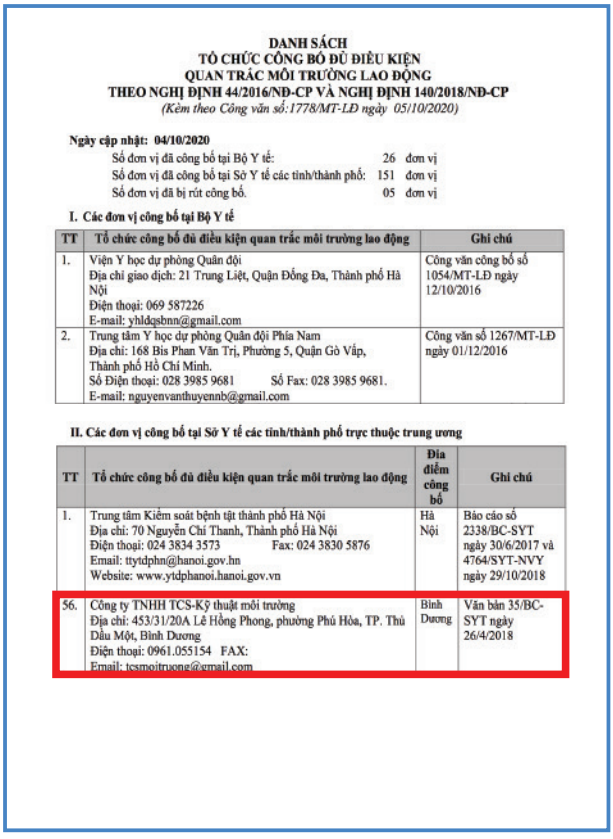

DANH SÁCH
TỔ CHỨC CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
THEO NGHỊ ĐỊNH 44/2016/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH 140/2018/NĐ-CP
(Kèm theo Công văn số:1778/MT-LĐ ngày 05/10/2020)

Ngày cập nhật: 04/10/2020
Số đơn vị đã công bố tại Bộ Y tế: 26 đơn vị
Số đơn vị đã công bố tại Sở Y tế các tỉnh/thành phố: 151 đơn vị
Số đơn vị đã bị rút công bố. 05 đơn vị

I. Các đơn vị công bố tại Bộ Y tế

TT	Tổ chức công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động	Ghi chú
1.	Viện Y học dự phòng Quân đội Địa chỉ giao dịch: 21 Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội Điện thoại: 069 587226 E-mail: yhldqsbnn@gmail.com	Công văn công bố số 1054/MT-LĐ ngày 12/10/2016
2.	Trung tâm Y học dự phòng Quân đội Phía Nam Địa chỉ: 168 Bis Phan Văn Trị, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Số Điện thoại: 028 3985 9681 Số Fax: 028 3985 9681. E-mail: nguyenvanthuyennb@gmail.com	Công văn số 1267/MT-LĐ ngày 01/12/2016

II. Các đơn vị công bố tại Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương

TT	Tổ chức công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động	Địa điểm công bố	Ghi chú
1.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội Địa chỉ: 70 Nguyễn Chí Thanh, Thành phố Hà Nội Điện thoại: 024 3834 3573 Fax: 024 3830 5876 Email: ttytdphn@hanoi.gov.hn Website: www.ytdphanoi.hanoi.gov.vn	Hà Nội	Báo cáo số 2338/BC-SYT ngày 30/6/2017 và 4764/SYT-NVY ngày 29/10/2018
56.	Công ty TNHH TCS-Kỹ thuật môi trường Địa chỉ: 453/31/20A Lê Hồng Phong, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương Điện thoại: 0961.055154 FAX: Email: tcsmoitruong@gmail.com	Bình Dương	Văn bản 35/BC-SYT ngày 26/4/2018

Tra cứu thông tin tại:
https://vihema.gov.vn/danh-sach-to-chuc-cong-bo-du-dieu-kien-quan-trac-moi-truong-lao-dong-theo-nghi-dinh-442016nd-cp-ngay-1552016-ban-hanh-kem-theo-cong-van-so-894mt-ngay-1882017.html

4.3 . Giấy phép đủ điều kiện hoạt động dịch vụ huấn luyện (*)

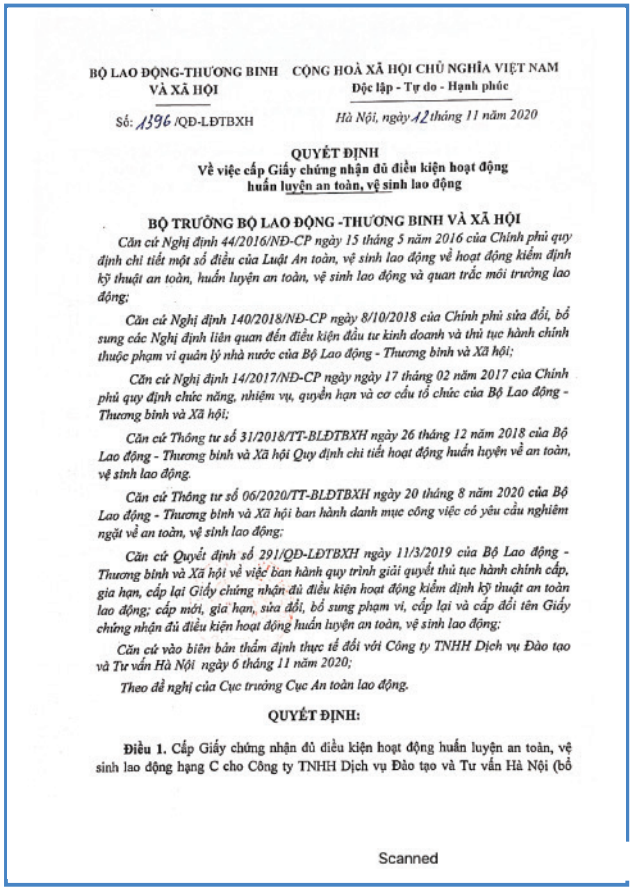

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1396 /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Nghị định 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định 14/2017/NĐ-CP ngày ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chi tiết hoạt động huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động.

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-LĐTBXH ngày 11/3/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính cấp, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung phạm vi, cấp lại và cấp đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động;

Căn cứ vào biên bản thẩm định thực tế đối với Công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội ngày 6 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C cho Công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội (bổ

Scanned

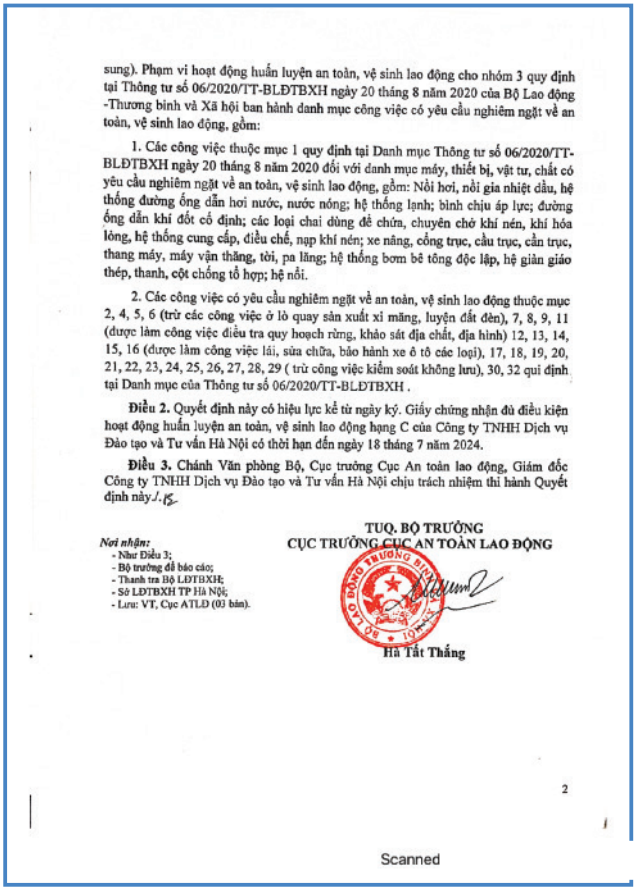

sung). Phạm vi hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho nhóm 3 quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội ban hành danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, gồm:

1. Các công việc thuộc mục 1 quy định tại Danh mục Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với danh mục máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, gồm: Nồi hơi, nồi gia nhiệt dầu, hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng; hệ thống lạnh; bình chịu áp lực; đường ống dẫn khí đốt cố định; các loại chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, hệ thống cung cấp, điều chế, nạp khí nén; xe nâng, cổng trục, cầu trục, cần trục, thang máy, máy vận thăng, tời, pa lăng; hệ thống bơm bê tông độc lập, hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; hệ nổi.

2. Các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc mục 2, 4, 5, 6 (trừ các công việc ở lò quay sản xuất xi măng, luyện đất đèn), 7, 8, 9, 11 (được làm công việc điều tra quy hoạch rừng, khảo sát địa chất, địa hình) 12, 13, 14, 15, 16 (được làm công việc lái, sửa chữa, bảo hành xe ô tô các loại), 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 (trừ công việc kiểm soát không lưu), 30, 32 qui định tại Danh mục của Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH .

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C của Công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội có thời hạn đến ngày 18 tháng 7 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục An toàn lao động, Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng để báo cáo;
- Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Sở LĐTBXH TP Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

Hà Tất Thắng

2

Scanned

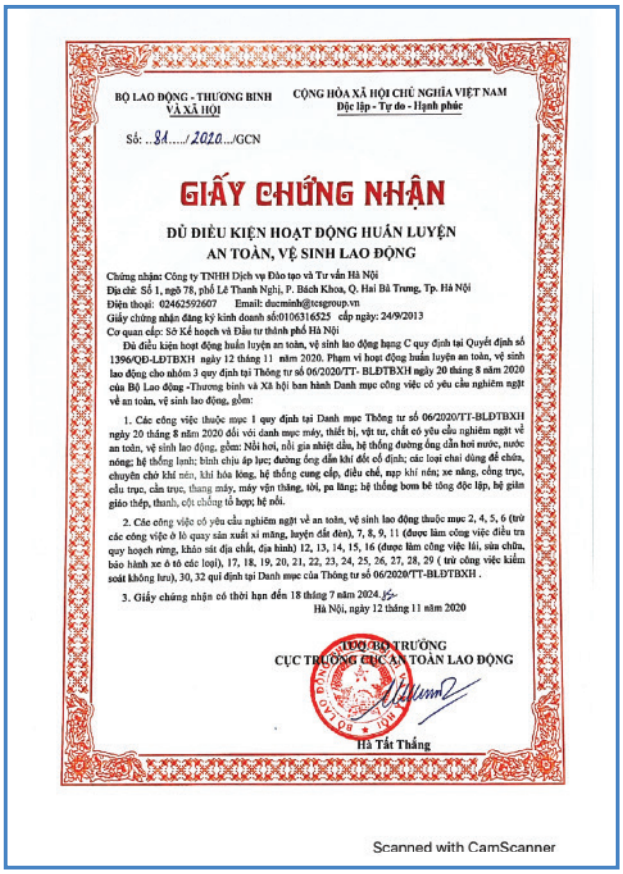

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84...../2020.../GCN

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Chứng nhận: Công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội
Địa chỉ: Số 1, ngõ 78, phố Lê Thanh Nghị, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Điện thoại: 02462592607 Email: ducminh@tcsgroup.vn
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:0106316525 cấp ngày: 24/9/2013
Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

Đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng C quy định tại Quyết định số 1396/QĐ-LĐTBXH ngày 12 tháng 11 năm 2020. Phạm vi hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho nhóm 3 quy định tại Thông tư số 06/2020/TT- BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, gồm:

1. Các công việc thuộc mục 1 quy định tại Danh mục Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 đối với danh mục máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, gồm: Nồi hơi, nồi gia nhiệt dầu, hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng; hệ thống lạnh; bình chịu áp lực; đường ống dẫn khí đốt cố định; các loại chai dùng để chứa, chuyên chở khí nén, khí hóa lỏng, hệ thống cung cấp, điều chế, nạp khí nén; xe nâng, cổng trục, cầu trục, cần trục, thang máy, máy vận thăng, tời, pa lăng; hệ thống bơm bê tông độc lập, hệ giàn giáo thép, thanh, cột chống tổ hợp; hệ nổi.

2. Các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động thuộc mục 2, 4, 5, 6 (trừ các công việc ở lò quay sản xuất xi măng, luyện đất đèn), 7, 8, 9, 11 (được làm công việc điều tra quy hoạch rừng, khảo sát địa chất, địa hình) 12, 13, 14, 15, 16 (được làm công việc lái, sửa chữa, bảo hành xe ô tô các loại), 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 (trừ công việc kiểm soát không lưu), 30, 32 qui định tại Danh mục của Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH .

3. Giấy chứng nhận có thời hạn đến 18 tháng 7 năm 2024./.

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2020

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

Hà Tất Thắng

Scanned with CamScanner

4.4. Giấy phép đủ điều kiện hoạt động kiểm định (*)

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

(Cấp theo Quyết định số 1639/QĐ-LĐTBXH ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, ngõ 78 Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mã số đăng ký chứng nhận: **60/GCN-KĐ**

ĐƯỢC CHỨNG NHẬN CÓ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN LAO ĐỘNG

PHẠM VI KIỂM ĐỊNH ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN:

Chi tiết tại Quyết định số 1639/QĐ-LĐTBXH ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ngày cấp: 23 tháng 11 năm **2018**.

Ngày hết hiệu lực: 23 tháng 11 năm **2023**.

Cấp lần thứ: **02**.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

Hà Tất Thắng

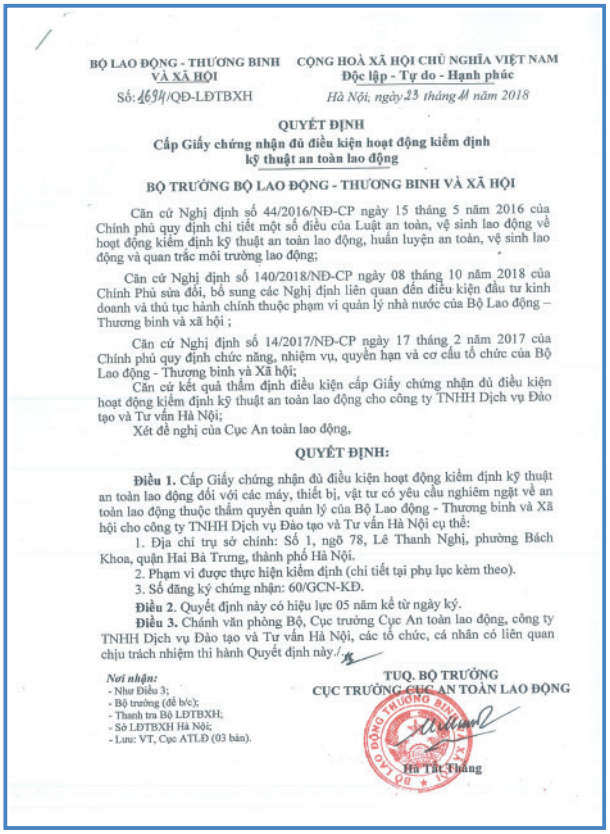

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1639/QĐ-LĐTBXH
Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

Căn cứ Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội ;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ kết quả thẩm định điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội;

Xét đề nghị của Cục An toàn lao động,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội cụ thể:

1. Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, ngõ 78, Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
2. Phạm vi được thực hiện kiểm định (chi tiết tại phụ lục kèm theo).
3. Số đăng ký chứng nhận: 60/GCN-KĐ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục An toàn lao động, công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Sở LĐTBXH Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

Hà Tất Thắng

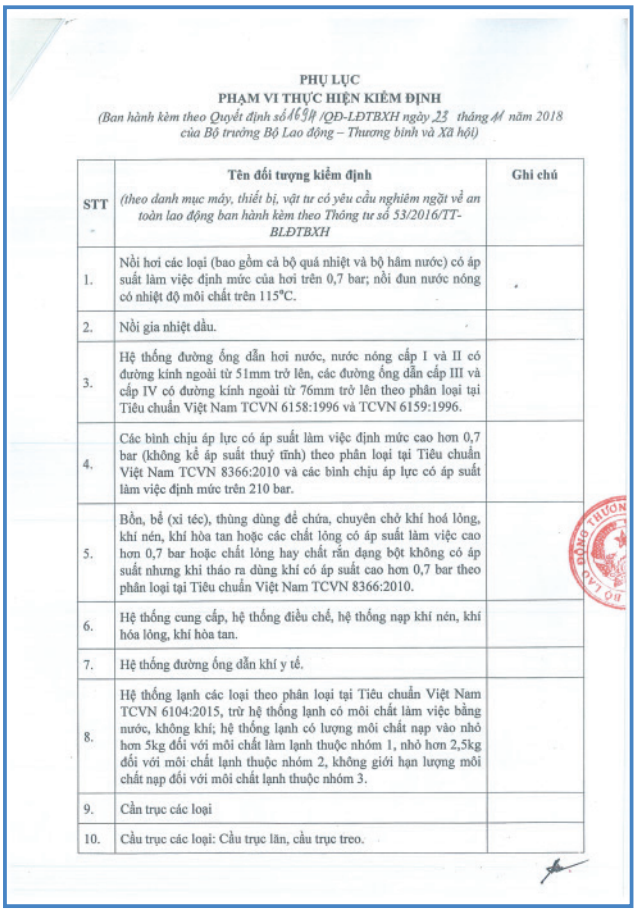

PHỤ LỤC
PHẠM VI THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1639/QĐ-LĐTBXH ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

STT	Tên đối tượng kiểm định *(theo danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động ban hành kèm theo Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH*	Ghi chú
1.	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C.	
2.	Nồi gia nhiệt dầu.	
3.	Hệ thống đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và II có đường kính ngoài từ 51mm trở lên, các đường ống dẫn cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76mm trở lên theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158:1996 và TCVN 6159:1996.	
4.	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thuỷ tĩnh) theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010 và các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức trên 210 bar.	
5.	Bồn, bể (xi téc), thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hoá lỏng, khí nén, khí hòa tan hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất lỏng hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8366:2010.	
6.	Hệ thống cung cấp, hệ thống điều chế, hệ thống nạp khí nén, khí hóa lỏng, khí hòa tan.	
7.	Hệ thống đường ống dẫn khí y tế.	
8.	Hệ thống lạnh các loại theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104:2015, trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có lượng môi chất nạp vào nhỏ hơn 5kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5kg đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 3.	
9.	Cần trục các loại	
10.	Cầu trục các loại: Cầu trục lăn, cầu trục treo.	

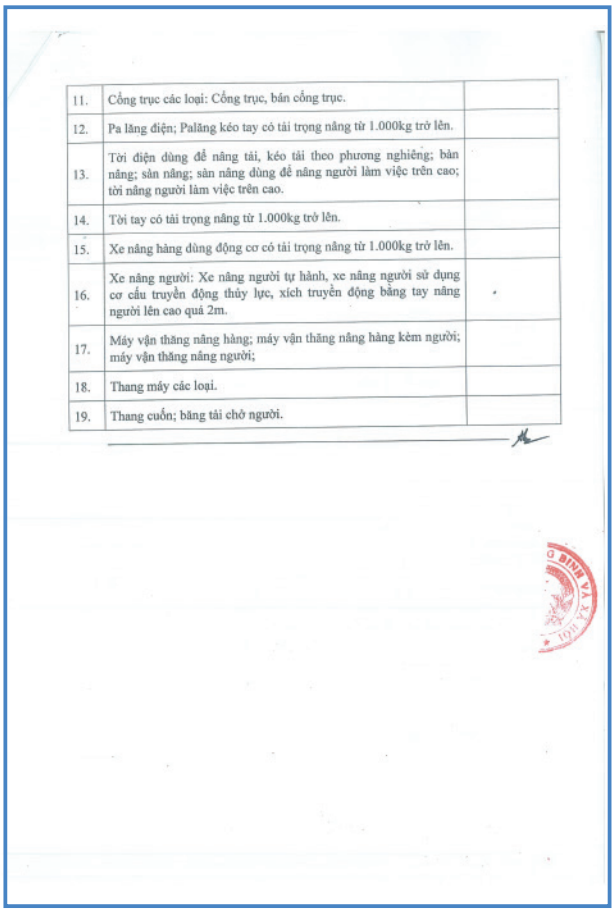

11.	Cổng trục các loại: Cổng trục, bán cổng trục.	
12.	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.	
13.	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng; sân nâng; sân nâng dùng để nâng người làm việc trên cao; tời nâng người làm việc trên cao.	
14.	Tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.	
15.	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên.	
16.	Xe nâng người: Xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m.	
17.	Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người;	
18.	Thang máy các loại.	
19.	Thang cuốn; băng tải chở người.	

IV. HỒ SƠ PHÁP LÝ

4.5 . Chứng chỉ kiểm định viên

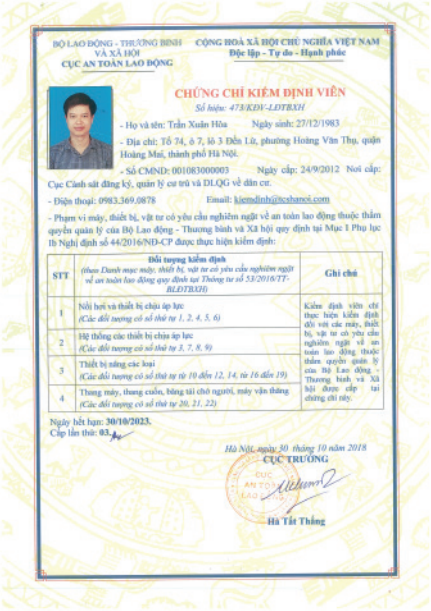

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số hiệu: 473/KDV-LDTBXH

- Họ và tên: Trần Xuân Hòa Ngày sinh: 27/12/1983
- Địa chỉ: Tổ 74, ô 7, lô 3 Đền Lừ, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
- Số CMND: 001083000003 Ngày cấp: 24/9/2012 Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và DLQG về dân cư.
- Điện thoại: 0983.369.0878 Email: kiemdinh@tcshanoi.com
- Phạm vi máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tại Mục I Phụ lục Ib Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được thực hiện kiểm định:

STT	Đối tượng kiểm định (theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động quy định tại Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH)	Ghi chú
1	Nồi hơi và thiết bị chịu áp lực (Các đối tượng có số thứ tự 1, 2, 4, 5, 6)	Kiểm định viên chỉ thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được cấp tại chứng chỉ này.
2	Hệ thống các thiết bị chịu áp lực (Các đối tượng có số thứ tự 3, 7, 8, 9)	
3	Thiết bị nâng các loại (Các đối tượng có số thứ tự từ 10 đến 12, 14, từ 16 đến 19)	
4	Thang máy, thang cuốn, băng tải chở người, máy vận thăng (Các đối tượng có số thứ tự 20, 21, 22)	

Ngày hết hạn: 30/10/2023.
Cấp lần thứ: 03

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018
CỤC TRƯỞNG

Hà Tất Thắng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số hiệu: 09/KDV-LDTBXH

- Họ và tên: Phạm Đức Minh Ngày sinh: 24/5/1986.
- Địa chỉ: Tổ 41, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
- Số CMND: 034086000904 Ngày cấp: 12/1/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Điện thoại: 0983998245 Email: ducminh@tcshanoi.com.
- Phạm vi máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tại Mục I Phụ lục Ib Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được thực hiện kiểm định:

STT	Đối tượng kiểm định (theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động quy định tại Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH)	Ghi chú
1	Nồi hơi và thiết bị chịu áp lực (Các đối tượng có số thứ tự 1, 2, 4, 5, 6 của Danh mục)	Kiểm định viên chỉ thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được cấp tại chứng chỉ này.
2	Hệ thống các thiết bị chịu áp lực (Các đối tượng có số thứ tự 3, 7, 8, 9)	
3	Thiết bị nâng các loại (Các đối tượng có số thứ tự từ 10 đến 12, 14, 16 đến 19)	
4	Thang máy, thang cuốn, băng tải chở người, máy vận thăng (Các đối tượng có số thứ tự 20, 21, 22)	

Ngày hết hạn: 10 /03/2022
Cấp lần thứ: 01

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2017
CỤC TRƯỞNG

Hà Tất Thắng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số hiệu: 103/KDV-LDTBXH

- Họ và tên: Trần Xuân Trường Ngày sinh: 17/01/1991.
- Địa chỉ: Vũ Bản, Bình Lục, Hà Nam.
- Số CMND: 168387447 Ngày cấp: 16/12/2014 Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Nam.
- Điện thoại: 01673383729 Email: xuantruongk55@gmail.com
- Phạm vi máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định tại Mục I Phụ lục Ib Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được thực hiện kiểm định:

STT	Đối tượng kiểm định (theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động quy định tại Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH)	Ghi chú
1	Nồi hơi và thiết bị chịu áp lực (Các đối tượng có số thứ tự 1, 2, 4, 5, 6)	Kiểm định viên chỉ thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội được cấp tại chứng chỉ này.
2	Hệ thống các thiết bị chịu áp lực (Các đối tượng có số thứ tự 3, 7, 8, 9)	
3	Thiết bị nâng các loại (Các đối tượng có số thứ tự từ 10 đến 12, 14, từ 16 đến 19)	
4	Thang máy, thang cuốn, băng tải chở người, máy vận thăng (Các đối tượng có số thứ tự 20, 21, 22)	

Ngày hết hạn: 01/9/2022.
Cấp lần thứ: 01

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2017
CỤC TRƯỞNG

Hà Tất Thắng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số hiệu: 267/KDV-LDTBXH

- Họ và tên: Phạm Văn Bản Ngày sinh: 30/3/1986.
- Địa chỉ: Xuân Ngọc, Xuân Trường, Nam Định.
- Số CMND: 036086002282 Ngày cấp: 25/5/2016 Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và DLQG về dân cư.
- Điện thoại: 0918.326.123 Email: kiemdinh@tcshanoi.com

STT	Đối tượng kiểm định (theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động quy định tại Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH)	Ghi chú
1	Nồi hơi và thiết bị chịu áp lực (Các đối tượng có số thứ tự 1, 2, 4, 5, 6)	Kiểm định viên chỉ thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được cấp tại chứng chỉ này.
2	Hệ thống các thiết bị chịu áp lực (Các đối tượng có số thứ tự 3, 7, 8, 9)	
3	Thiết bị nâng các loại (Các đối tượng có số thứ tự từ 10 đến 12, 14, từ 16 đến 19)	
4	Thang máy, thang cuốn, băng tải chở người, máy vận thăng (Các đối tượng có số thứ tự 20, 21, 22)	

Ngày hết hạn: 30/10/2023.
Cấp lần thứ: 03

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018
CỤC TRƯỞNG

Hà Tất Thắng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số hiệu: 930/KDV-LDTBXH

- Họ và tên: Nguyễn Duy Mỹ Ngày sinh: 14/3/1995.
- Địa chỉ: Vân Chính, Ý Yên, Nam Định
- Thẻ CCCD số: 036095001960, ngày cấp 28/11/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Điện thoại: 035.4489.180; Email: kiemdinh@tcshanoi.com.
- Phạm vi máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tại Mục I Phụ lục Ib Nghị định số 44/2016/NĐ-CP được thực hiện kiểm định:

STT	Đối tượng kiểm định (Quy định tại mục 1 Danh mục máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH)	Ghi chú
1	Thiết bị nâng các loại (Các đối tượng có số thứ tự từ 10 đến 12, 14, 16 đến 19)	Kiểm định viên chỉ thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được cấp tại chứng chỉ này.
2	Thang máy, thang cuốn, băng tải chở người, máy vận thăng (Các đối tượng có số thứ tự 20, 21, 22)	

Ngày hết hạn: 04/11/2024.
Cấp lần thứ: 01

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2019
CỤC TRƯỞNG

Hà Tất Thắng

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ KIỂM ĐỊNH VIÊN

Số hiệu: 268/KDV-LDTBXH

- Họ và tên: Trần Nhu Thái Ngày sinh: 28/3/1986.
- Địa chỉ: Số 3 ngách 54/13 Triều Khúc, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số CMND: 001086004694 Ngày cấp: 04/02/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và DLQG về dân cư.
- Điện thoại: 0915.342.558 Email: kiemdinh@tcshanoi.com

STT	Đối tượng kiểm định (theo Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động quy định tại Thông tư số 53/2016/TT-BLĐTBXH)	Ghi chú
1	Thiết bị nâng các loại (Các đối tượng có số thứ tự từ 10 đến 12, 14, từ 16 đến 19)	Kiểm định viên chỉ thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được cấp tại chứng chỉ này.

Ngày hết hạn: 30/10/2023.
Cấp lần thứ: 03

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2018
CỤC TRƯỞNG

Hà Tất Thắng

4.6. Mẫu giấy chứng nhận kiểm định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

SỐ:

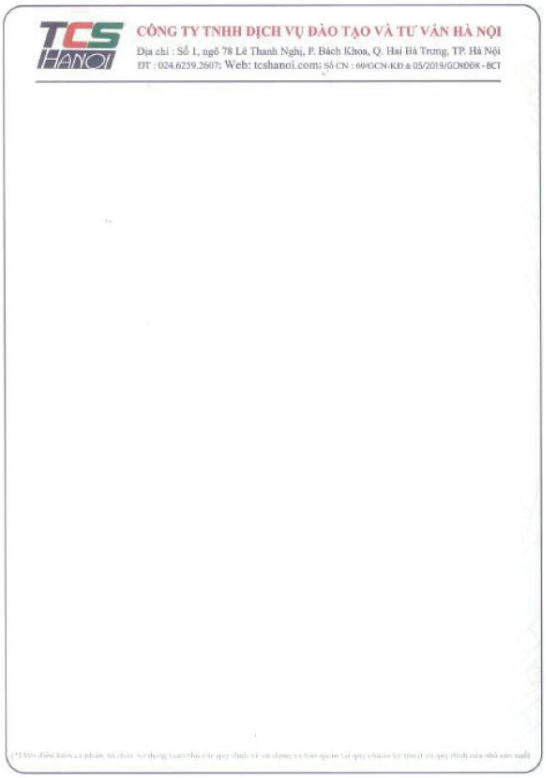
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN HÀ NỘI

4.7. Mẫu tem kiểm định

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO VÀ TƯ VẤN HÀ NỘI
Số 1, ngõ 78 Lê Thanh Nghị, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: 024 6259 2607 * Số CN: 60/GNC-KĐ & 05/2019/GCNĐĐK-BCT

TCS GROUP

TEM KIỂM ĐỊNH

Số seri: 12000

Tên đối tượng:.....

.....

Mã hiệu:.....

Ngày kiểm định:

Ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Có hiệu lực đến:

Ngày: ..... tháng ..... năm 20.....

4.8. Giấy đăng ký hoạt động chứng nhận phù hợp với QCVN và TCVN (*)

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /LĐTBXH-GCN

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2019

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chứng nhận:

1. Công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, ngõ 78, phố Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.

Điện thoại: 0246 2592607;

Email: ceo@tcshanoi.com

Đã đăng ký bổ sung hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hóa đối với ngành lao động (chi tiết theo phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 09-1/CN-ATLĐ.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày 10/01/2024./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH DV, ĐT&TV Hà Nội;
- Bộ KHCN (để b/c);
- Sở LĐTBXH tp. Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

Hà Tất Thắng

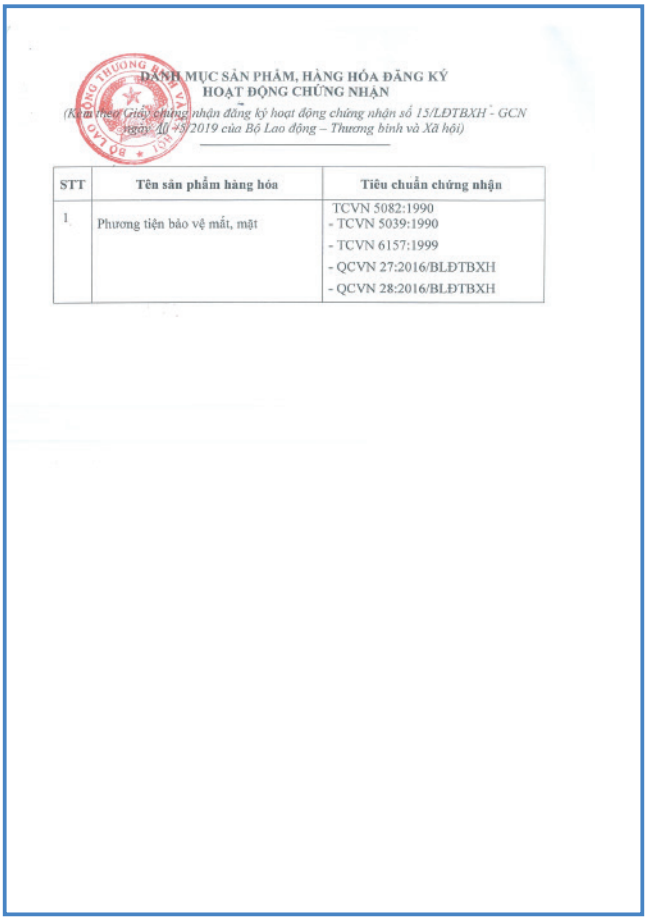

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN

(Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 15/LĐTBXH - GCN ngày 10/5/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Tiêu chuẩn chứng nhận
1	Phương tiện bảo vệ mắt, mặt	TCVN 5082:1990 - TCVN 5039:1990 - TCVN 6157:1999 - QCVN 27:2016/BLĐTBXH - QCVN 28:2016/BLĐTBXH

4.9. Giấy chỉ định đủ điều kiện hoạt động đánh giá sản phẩm hàng hóa nhóm 2 phù hợp với QCVN và TCVN (*)

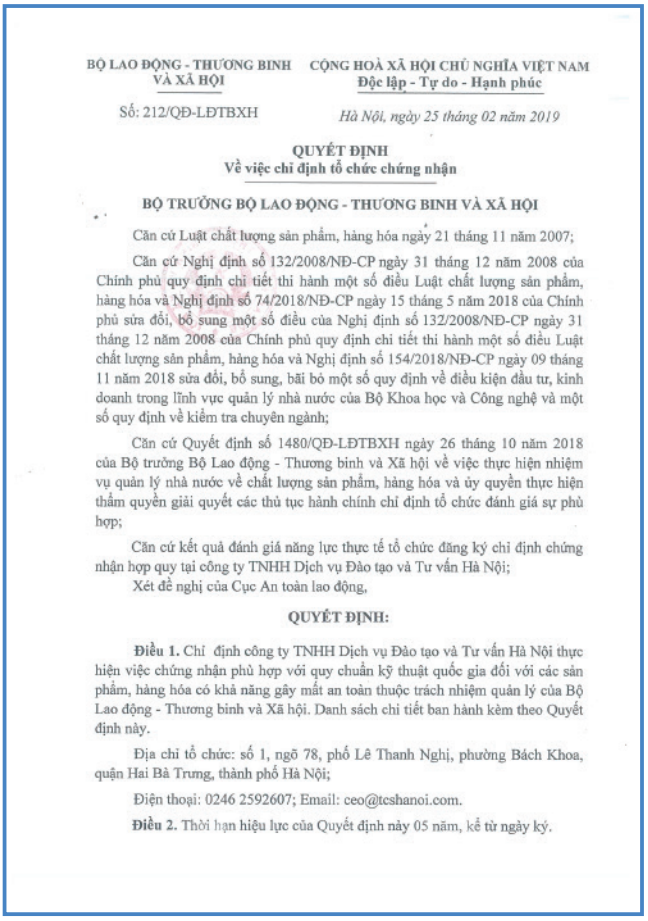

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 212/QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1480/QĐ-LĐTBXH ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và ủy quyền thực hiện thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ kết quả đánh giá năng lực thực tế tổ chức đăng ký chỉ định chứng nhận hợp quy tại công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội;

Xét đề nghị của Cục An toàn lao động,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội thực hiện việc chứng nhận phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Danh sách chi tiết ban hành kèm theo Quyết định này.

Địa chỉ tổ chức: số 1, ngõ 78, phố Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội;

Điện thoại: 0246 2592607; Email: ceo@tcshanoi.com.

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này 05 năm, kể từ ngày ký.

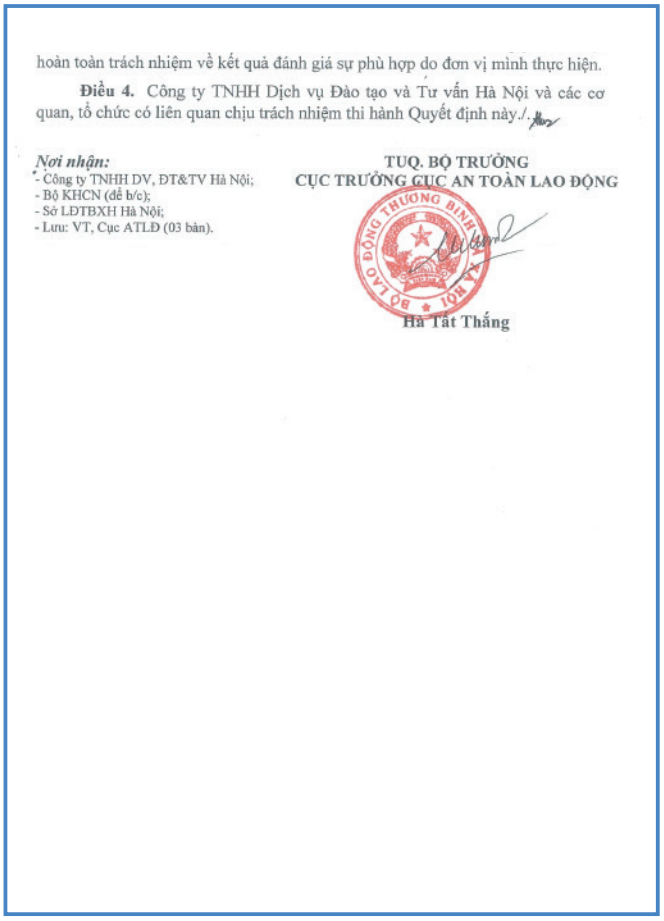

hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Công ty TNHH Dịch vụ Đào tạo và Tư vấn Hà Nội và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH DV, ĐT&TV Hà Nội;
- Bộ KHCN (để b/c);
- Sở LĐTBXH Hà Nội;
- Lưu: VT, Cục ATLĐ (03 bản).

TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN LAO ĐỘNG

Hà Tất Thắng

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2 ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 212/QĐ-LĐTBXH ngày 25 / 02 /2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
1.	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
2.	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thuỷ tĩnh)	QCVN 01:2008/BLĐTBXH
3.	Hệ thống lạnh các loại	QCVN 21:2015/BLĐTBXH
4.	Cần trục các loại	QCVN 07:2012/BLĐTBXH; QCVN 29:2016/BLĐTBXH.
5.	Cầu trục: Cầu trục lăn, cầu trục treo	QCVN 07:2012/BLĐTBXH; QCVN 30:2016/BLĐTBXH
6.	Cổng trục: Cổng trục, nửa cổng trục	QCVN 07:2012/BLĐTBXH; QCVN 30:2016/BLĐTBXH
7.	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng từ 1.000 kg trở lên	QCVN 13:2013/BLĐTBXH
8.	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải	QCVN 07:2012/BLĐTBXH
9.	Tời thủ công có tải trọng từ 1.000 kg trở lên	QCVN 07:2012/BLĐTBXH
10.	Thang máy	QCVN 02:2011/BLĐTBXH; QCVN 32:2018/BLĐTBXH; QCVN 18:2013/BLĐTBXH; QCVN 26:2016/BLĐTBXH;
11.	Thang cuốn; băng tải chở người.	QCVN 11:2012/BLĐTBXH
12.	Vận thăng	QCVN 16:2013/LĐTBXH
13.	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng từ 1.000kg trở lên.	QCVN 25:2015/BLĐTBXH

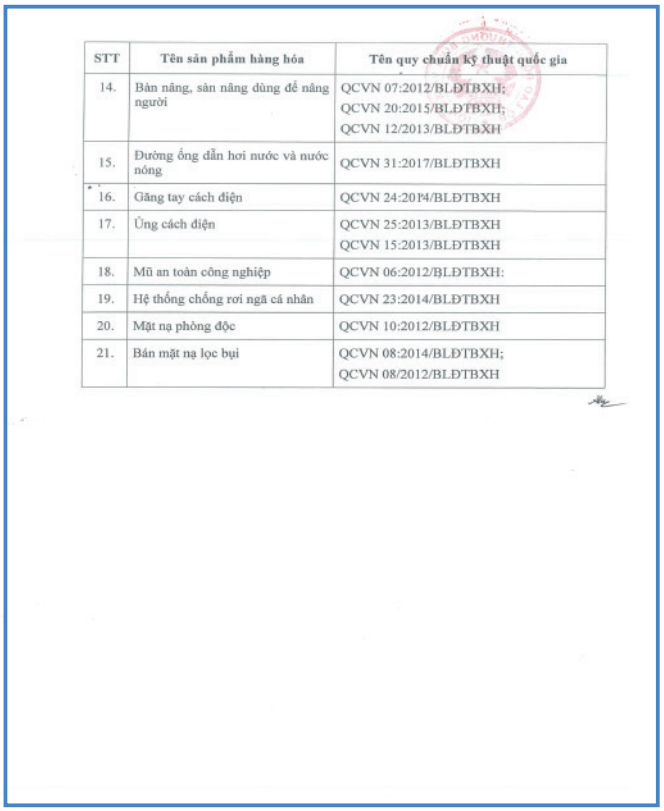

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Tên quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
14.	Bàn nâng, sàn nâng dùng để nâng người	QCVN 07:2012/BLĐTBXH; QCVN 20:2015/BLĐTBXH; QCVN 12/2013/BLĐTBXH
15.	Đường ống dẫn hơi nước và nước nóng	QCVN 31:2017/BLĐTBXH
16.	Găng tay cách điện	QCVN 24:2014/BLĐTBXH
17.	Ủng cách điện	QCVN 25:2013/BLĐTBXH QCVN 15:2013/BLĐTBXH
18.	Mũ an toàn công nghiệp	QCVN 06:2012/BLĐTBXH:
19.	Hệ thống chống rơi ngã cá nhân	QCVN 23:2014/BLĐTBXH
20.	Mặt nạ phòng độc	QCVN 10:2012/BLĐTBXH
21.	Bán mặt nạ lọc bụi	QCVN 08:2014/BLĐTBXH; QCVN 08/2012/BLĐTBXH

(*) Đơn vị liên kết Công ty TNHH dịch vụ đào tạo và tư vấn Hà Nội (TCSHANOI)

4.10. Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường VIMCERT 099 (**)

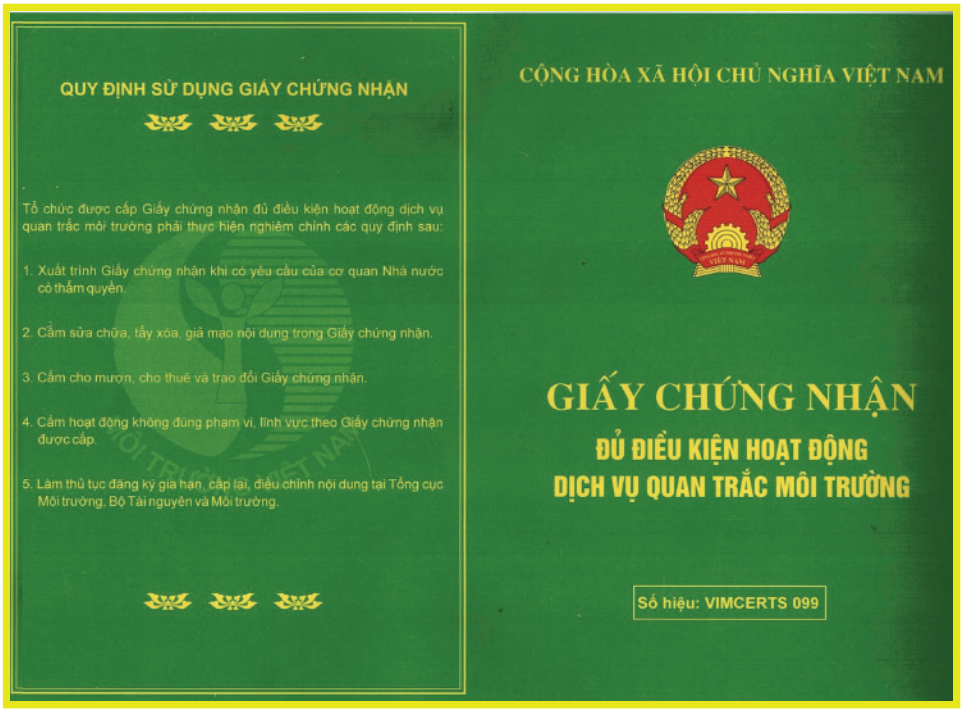

Giấy chứng nhận VILAS 766

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 3600/QĐ-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Công văn số 20/2018/MTSK-CĐ ngày 07 tháng 11 năm 2018 kèm theo Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Viện Khoa học môi trường và Sức khỏe cộng đồng;

Căn cứ kết quả thẩm định, đánh giá của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Viện Khoa học môi trường và Sức khỏe cộng đồng thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận **"Viện Khoa học môi trường và Sức khỏe cộng đồng"**, thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014, với mã số **VIMCERTS 099** (Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Viện Khoa học môi trường và Sức khỏe cộng đồng thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Viện Khoa học môi trường và Sức khỏe cộng đồng thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT Thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (10).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

2

Phụ lục
LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Đối với Viện Khoa học môi trường và Sức khỏe cộng đồng thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số 3600/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Nước
1.1. Nước mặt ☒
1.1.1. Quan trắc hiện trường:
- Thông số (đo nhanh ngoài hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	5 ÷ 50°C
3	Nồng độ ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	0 ÷ 50 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SOP.05/HT-TDS	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 500 NTU
7	ORP	SMEWW 2580B:2012	-1.999 ÷ 1.999 mV

SOP.05/HT-TDS: Quy trình hướng dẫn đo TDS tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-14:2018, TCVN 6663-6:2018, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-3:2008
2	Động vật đáy	SMEWW 10500B:2012

1.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	5,0 Pt-Co
2	Độ kiềm	TCVN 6636-1:2000	0,5 mg/L
3	Độ cứng	TCVN 6224:1996	3,0 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L

Trang: 1/17

5	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	3,0 mg/L
6	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	5,0 mg/L
7	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F^-.B&D:2012	0,04 mg/L
8	Sunphat (SO_4^{2-})	TCVN 6200:1996	10,0 mg/L
		SMEWW 4500-SO_4^{2-}.E:2012	5,0 mg/L
9	Photphat (PO_4^{3-}-P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
10	Nitrit (NO_2^--N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
11	Nitrat (NO_3^--N)	TCVN 6180:1996	0,01 mg/L
12	Amoni (NH_4^+-N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/L
13	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
14	Tổng photpho	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
15	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,22 mg/L
16	Magie (Mg)	TCVN 6224:1996	2,0 mg/L
17	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,01 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,003 mg/L
18	Mangan (Mn)	SMEWW 3500Mn.B:2012	0,15 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
19	Crom (VI)	TCVN 7939:2008	0,002 mg/L
20	Tổng Crom (Cr)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
21	Silaca (SiO_2)	SMEWW 4500-SiO_2.D:2012	0,08 mg/L
22	Dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	0,3 mg/L
23	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2012	0,3 mg/L
24	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
		TCVN 6001-2:2008	1,0 mg/L
25	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500-CN^-.B&E:2012	0,002 mg/L
26	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,001 mg/L
27	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,03 mg/L
28	Kali (K)	US EPA Method 200.7	0,20 mg/L
29	Natri (Na)	US EPA Method 200.7	0,20 mg/L
30	Asen (As)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L

Trang: 2/17

31	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	0,004 mg/L
32	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
33	Niken (Ni)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
34	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
35	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
36	Coliform	TCVN 6187-1:2009	1VK/100mL
		TCVN 6187-2:2009	3MPN/100mL
37	Ecoli	TCVN 6187-1:2009	1VK/100mL
		TCVN 6187-2:2009	3MPN/100mL
38	Hoạt độ Alpha	TCVN 8879:2011	0,0071 Bq/L
39	Hoạt độ Beta	TCVN 8879:2011	0,071 Bq/L

1.2. Nước thải ☑

1.2.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo nhanh ngoài hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	5 ÷ 50°C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SOP.05/HT-TDS	0 ÷ 1.999 mg/L
4	Vận tốc	ISO 4064-5:2014	0,1 ÷ 6,1 m/s
5	Lưu lượng	TCVN 8779-5:2011 (ISO 4064-5:2014) TCVN 8193:2015 (ISO 1438:2008)	0 ÷ 0,2 m^3/s

SOP.05/HT-TDS: Quy trình hướng dẫn đo TDS tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-14:2018, TCVN 6663-6:2018, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-3:2008

1.2.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Độ màu	TCVN 6185:2008	5,0 Pt-Co
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L

3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	3,0 mg/L
4	Clorua (Cl⁻)	TCVN 6194:1996	5,0 mg/L
5	Clo dư	SMEWW 4500-Cl.G:2012	0,05 mg/L
6	Photphat (PO_4^{3-}-P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
7	Nitrat (NO_3^--N)	SMEWW 4500-NO_3^- .E:2012	0,032 mg/L
8	Amoni (NH_4^+-N) (NH_4^+-N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/L
9	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
10	Tổng photpho	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
11	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,01 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,003 mg/L
12	Mangan (Mn)	SMEWW 3500Mn.B:2012	0,15 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
13	Crom (VI)	TCVN 7939:2008	0,01 mg/L
14	Crom (III)	SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,001 mg/L
15	Tổng Crom (Cr)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
16	Florua (F^-)	SMEWW 4500F.B&D:2012	0,04 mg/L
17	Dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	0,3 mg/L
18	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2012	0,3 mg/L
19	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
		TCVN 6001-2:2008	1,0 mg/L
20	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500-CN^- .B&E:2012	0,002 mg/L
21	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,005 mg/L
22	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,03 mg/L
23	Asen (As)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
24	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 200.7	0,0016 mg/L
25	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	0,004 mg/L
26	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
27	Niken (Ni)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
28	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
29	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
30	Coliform	TCVN 6187-1:2009	1 VK/100mL
		TCVN 6187-2:2009	3MPN/100mL

31	Hoạt độ Alpha	TCVN 8879:2011	0,0071 Bq/L
32	Hoạt độ Beta	TCVN 8879:2011	0,071 Bq/L
33	Sunfua S^{2-}	SMEWW 4500- S^{2-}.- C&D:2012	0,04 mg/L

1.3. Nước dưới đất ☑

1.3.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo nhanh ngoài hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	5 ÷ 50°C
3	Nồng độ ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	0 ÷ 50 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SOP.05/HT-TDS	0 ÷ 1.999 mg/L
6	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 500 NTU
7	ORP	SMEWW 2580B:2012	-1.999 ÷ 1.999 mV

SOP.05/HT-TDS: Quy trình hướng dẫn đo TDS tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-11:2011, TCVN 6663-3:2008, TCVN 6663-14:2018, TCVN 6663-6:2018

1.3.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Độ màu	TCVN 6185:2008	5,0 Pt-Co
2	Độ kiềm	TCVN 6636-1:2000	0,5 mg/L
3	Độ cứng	TCVN 6224:1996	5,0 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
5	Chỉ số Pecmanganat	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2012	2,0 mg/L
7	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	5,0 mg/L
8	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F^- .B&D:2012	0,04mg/L
9	Sunphat (SO_4^{2-})	TCVN 6200:1996	10,0 mg/L

		SMEWW 4500-SO_4^{2-} .E:2012	5,0 mg/L
10	Photphat (PO_4^{3-}-P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
11	Nitrit (NO_2^--N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
12	Nitrat (NO_3^--N)	TCVN 6180:1996	0,01 mg/L
13	Amoni (NH_4^+-N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/L
14	Canxi (Ca)	TCVN 6198:1996	2,0 mg/L
15	Magie (Mg)	TCVN 6224:1996	2,0 mg/L
16	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,01 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,003 mg/L
17	Mangan (Mn)	SMEWW 3500Mn.B:2012	0,15 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
18	Crom (VI)	TCVN 7939:2008	0,002 mg/L
19	Tổng Crom	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
20	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500-CN^- .B&E:2012	0,002 mg/L
21	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	0,03 mg/L
22	Asen (As)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
23	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	0,004 mg/L
24	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
25	Niken (Ni)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
26	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
27	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
28	Nhôm (Al)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
29	Selen (Se)	US EPA Method 200.7	0,003 mg/L
30	Coban (Co)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
31	HCO_3^-	SMEWW 2320B:2012	5,0 mg/L
32	CO_3^{2-}	SMEWW 2320B:2012	5,0 mg/L
33	Coliform	TCVN 6187-1:2009	1VK/100mL
		TCVN 6187-2:2009	3MPN/100mL
34	Ecoli	TCVN 6187-1:2009	1VK/100mL
		TCVN 6187-2:2009	3MPN/100mL
35	Hoạt độ Alpha	TCVN 8879:2011	0,0071 Bq/L
36	Hoạt độ Beta	TCVN 8879:2011	0,071 Bq/L

37	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,0003 mg/L
38	Sunfua S^{2-}	SMEWW 4500- S^{2-}.- C&D:2012	0,04 mg/L

1.4. Nước mưa ☑

1.4.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo nhanh ngoài hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	4÷ 50°C
3	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	0 ÷ 50 mS/cm

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước mưa	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-14:2018, TCVN 6663-6:2018; TCVN 5997:1995

1.4.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Clorua (Cl⁻)	TCVN 6194:1996	5,0 mg/L
2	Sunphat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500-SO_4^{2-}.E:2012	5,0 mg/L
3	Photphat (PO_4^{3-}-P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
4	Nitrit (NO_2^--N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
5	Nitrat (NO_3^--N)	TCVN 6180:1996	0,01 mg/L

1.5. Nước biển ☑

1.5.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo nhanh ngoài hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	5÷ 50°C
3	Nồng độ ôxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	0 ÷ 100 mS/cm
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SOP.05/HT-TDS	0 ÷ 100 g/L
6	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 500 NTU
7	Độ mặn	SMEWW 2520B:2012	0 ÷ 70 ‰

SOP.05/HT-TDS: Quy trình hướng dẫn đo TDS tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-14:2018, TCVN 6663-6:2018; TCVN 5997:1995

1.5.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Độ màu	TCVN 6185:2008	5,0 Pt-Co
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,0 mg/L
3	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F^- .B&D:2012	0,04 mg/L
4	Xyanua (CN^-)	SMEWW 4500-CN^- .B&E:2012	0,002 mg/L
5	Tổng phenol	TCVN 6216:1996	0,005 mg/L
6	Tổng Crom	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
		SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,012 mg/L
7	Photphat (PO_4^{3-}-P)	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
8	Nitrit (NO_2^--N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/L
9	Nitrat (NO_3^--N)	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2012	0,032 mg/L
10	Amoni (NH_4^+-N)	TCVN 6179-1:1996	0,01 mg/L
11	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	2,0 mg/L
12	Tổng photpho	TCVN 6202:2008	0,01 mg/L
13	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,01 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,003 mg/L
14	Mangan (Mn)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
15	Dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	0,3 mg/L
16	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2012	0,3 mg/L
17	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5)	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
		TCVN 6001-2:2008	1,0 mg/L
18	Asen (As)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
19	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	0,004 mg/L
20	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
21	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	0,002 mg/L
22	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	0,001 mg/L
23	Coliform	TCVN 6187-1:2009	1VK/100mL
		TCVN 6187-2:2009	3MPN/100mL

2. Khí:

2.1. Không khí xung quanh và môi trường lao động ☑

2.1.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo nhanh ngoài hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 50 °C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	10 ÷100 %RH
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0,4- 30 m/S
4	Tiếng ồn	QCVN 46:2012/BTNMT	30-130 dBA
5	Độ rung	TCVN 6963:2001	50 – 110 dB
6	Áp suất	QCVN 46:2012/BTNMT	850÷1.100hPa

-Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	SO_2	TCVN 5971:1995
2	NO_2	TCVN 6137:2009
3	CO	IESH/SOP-K07
4	NH_3	TCVN 5293:1995
5	H_2S	MASA 701:1988
6	Bụi TSP	TCVN 5067:1995
7	Bụi PM 10	40 CFR Part 50 Appendix J
8	Chì Bụi	TCVN 5067: 1995
9	O_3	MASA Method 411
10	VOC_s	NIOSH Method 1501
	Benzen	
	Toluene	
	Xylene	
	Styrene	
11	H_3PO_4	NIOSH Method 7908
12	Cl_2	MASA Method 202
13	HCl	NIOSH Method 7907
14	HF	NIOSH Method 7906
15	H_2SO_4	NIOSH Method 7908
16	HNO_3	NIOSH Method 7907

17	Hơi HCN	NIOSH Method 6010
18	Cadimi	NIOSH 7300
19	Crom VI	OSHA ID 215
20	Mangan	NIOSH 7300
21	Asen	NIOSH 7300
22	CH_3SH	MASA 118

IESH/SOP-K07:Quy trình hướng dẫn lấy mẫu CO ngoài hiện trường.

2.1.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	SO_2	TCVN 5971:1995	20 µg/m³
2	NO_2	TCVN 6137:2009	10 µg/m³
3	CO	SOP.34/HDPT-CO	2.500 µg/m³
4	NH_3	TCVN 5293:1995	20 µg/m³
5	H_2S	MASA 701:1988	5 µg/m³
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	50 µg/m³
7	Bụi PM_{10}	40 CFR Part 50 Appendix J	50 µg/m³
8	O_3	MASA Method 411	7,0 µg/m³
9	HCN	NIOSH METHOD: 6010	0,004 mg/L
10	Asen	NIOSH 7300	0,0024 µg/m³
11	Cadimi	NIOSH 7300	0,0038 µg/m³
12	Mangan	NIOSH 7300	0,0042 µg/m³
13	Cr VI	OSHA ID 215	0,07 µg/m³

SOP 34/HDPT-CO: Quy trình hướng dẫn phân tích CO trong phòng thí nghiệm

2.2. Khí thải ☑

2.2.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo nhanh ngoài hiện trường):

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1	-
2	Vận tốc/Lưu lượng dòng khí thải	US EPA Method 2	0 ÷100m/s
3	Nhiệt độ	US EPA Method 2	0 ÷ 1.200 °C
4	Áp suất	US EPA Method 2	850 ÷ 1.100 mbar
5	Khối lượng mol phân tử khí khô	US EPA Method 3	-

6	Hàm ẩm	US EPA Method 4	0 ÷ 100%
7	O_2	IESH/SOP/QTHT-KT01	0 – 21%V
8	NO_x	IESH/SOP/QTHT-KT01	
	NO	*IESH/SOP/QTHT-KT01*	*0 ÷ 4.920 mg/Nm³*
	NO_2	*IESH/SOP/QTHT-KT01*	*0 ÷ 2.068 mg/Nm³*
9	SO_2	IESH/SOP/QTHT-KT.01	0 ÷ 13.100 mg/Nm³
10	CO	IESH/SOP/QTHT-KT.01	0 ÷ 11.400 mg/Nm³

IESH/SOP/QTHT-KT01: Quy trình hướng dẫn đo O_2, NO_x (NO, NO_2), SO_2, CO tại hiện trường.

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Bụi PM	US EPA Method 5
2	CO	TCVN 7242:2003
3	SO_2	US EPA Method 8
4	NO_x (tính theo NO_2)	TCVN 7172:2002
5	HCl	TCVN 7244:2003
		US EPA Method 26A
7	HF	US EPA Method 26A
		TCVN 7243:2003
8	HBr	US EPA Method 26A
9	H_2SO_4	US EPA Method 8
10	Cadimi (Cd)	US EPA Method 29
11	Chì (Pb)	US EPA Method 29
12	Asen (As)	US EPA Method 29
13	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 29
14	Antimon (Sb)	US EPA Method 29
15	Bari (Ba)	US EPA Method 29
16	Beri (Be)	US EPA Method 29
17	Niken (Ni)	US EPA Method 29
18	Coban (Co)	US EPA Method 29
19	Đồng (Cu)	US EPA Method 29
20	Crom (Cr)	US EPA Method 29
21	Selen (Se)	US EPA Method 29
22	Mangan (Mn)	US EPA Method 29

23	Tali (Tl)	US EPA Method 29
24	Kẽm (Zn)	US EPA Method 29
25	Bạc (Ag)	US EPA Method 29
26	VOCs	US EPA Method 0031
	Benzen	
	Cyclohexane	
	n- Heptan	
	Toluen	
	Metylaxetat	
	Cloroform	
	Tetraclometan	
	Tetracloetylen	
	N-propanol	
	Anilin	
	Benzyl Clorua	
	Clopicrin	
	Cyclohexanol	
	m-Xylene	
	o-Xylene	
	p-Xylene	
	Ethyl Benzene	
	Chlorobenzene	
27	NH_3	JIS K 0099:2004
28	H_2S	IS 11255 (part 4):2006

2.2.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Bụi (PM)	US EPA Method 5	2,0 mg/Nm³
2	CO	TCVN 7242:2003	16 mg/Nm³
3	SO_2	US EPA Method 8	0,02 mg/Nm³
4	H_2SO_4	US EPA Method 8	0,02 mg/Nm³
5	HF	TCVN 7243:2003	0,05 mg/Nm³
6	NO_x (tính theo NO_2)	TCVN 7172:2002	6,8 mg/Nm³
7	Cadimi (Cd)	US EPA Method 29	0,0002 mg/Nm³
8	Chì (Pb)	US EPA Method 29	0,0028 mg/Nm³
9	Asen (As)	US EPA Method 29	0,0034 mg/Nm³
10	Antimon (Sb)	US EPA Method 29	0,0033 mg/Nm³

11	Bari (Ba)	US EPA Method 29	0,0006 mg/Nm³
12	Beri (Be)	US EPA Method 29	0,0035 mg/Nm³
13	Niken (Ni)	US EPA Method 29	0,0033 mg/Nm³
14	Coban (Co)	US EPA Method 29	0,0006 mg/Nm³
15	Đồng (Cu)	US EPA Method 29	0,0007 mg/Nm³
16	Crom (Cr)	US EPA Method 29	0,0007 mg/Nm³
17	Selen (Se)	US EPA Method 29	0,0002 mg/Nm³
18	Mangan (Mn)	US EPA Method 29	0,0007 mg/Nm³
19	Tali (Tl)	US EPA Method 29	0,0029 mg/Nm³
20	Kẽm (Zn)	US EPA Method 29	0,0010 mg/Nm³
21	Bạc (Ag)	US EPA Method 29	0,0002 mg/Nm³
22	H_2S	IS 11255-4 (part4):2006	1,80 mg/Nm³

3.Đất:

3.1 Quan trắc hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu đất	TCVN 4046:1985, TCVN 7638-2:2005

3.2. Phân tích môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH (H_2O, KCl)	TCVN 5979:2007	2 ÷ 12
2	Độ ẩm	TCVN 6648:2000	1,1 %
3	Kích thước hạt	TCVN 8567:2010	0,002 mm
4	Tổng chất hữu cơ	TCVN 8941:2011	0,03 %
5	Tổng Nitơ	TCVN 6498:1999	1,0 mg/kg
6	Tổng phốtpho	TCVN 6499:1999	0,5 mg/kg
7	Độ dẫn điện	TCVN 6650:2000	0 ÷ 19,9 mS/cm
8	Cl⁻	TCVN 8727:2012	20 mg/kg
9	SO_4^{2-}	TCVN 6656:2000	20 mg/kg
10	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	0,44mg/Kg
11	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	0,78mg/Kg
12	Asen (As)	US EPA Method 200.7	0,69mg/Kg
13	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	0,67mg/Kg
14	Crom (Cr)	US EPA Method 200.7	0,42mg/Kg
15	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	0,62mg/Kg
16	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 200.7	1,18mg/Kg

4. Trầm tích

4.1 Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu trầm tích	TCVN 6663-13:2000, TCVN 6663-15:2004

4.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	0,44mg/Kg
2	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	0,78mg/Kg
3	Asen (As)	US EPA Method 200.7	0,69mg/Kg
4	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	0,67mg/Kg
5	Crom (Cr)	US EPA Method 200.7	0,42mg/Kg
6	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	0,62mg/Kg

5. Chất thải rắn

5.1 Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu:

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu chất thải rắn	TCVN 9466:2012

5.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	ASTM 4980-89	0 ÷ 14
2	Tổng dầu	US EPA Method 1311+ SMEWW5520B&F:2012	0,74mg/L
		US EPA Method 9071B	5 mg/kg
3	Tổng Xyanua	US EPA Method 9013A+ US EPA Method 9014 + US EPA Method 9010C	0,05mg/Kg
4	Bari (Ba)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	0,47mg/Kg
5	Cadimi (Cd)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	0,44mg/Kg

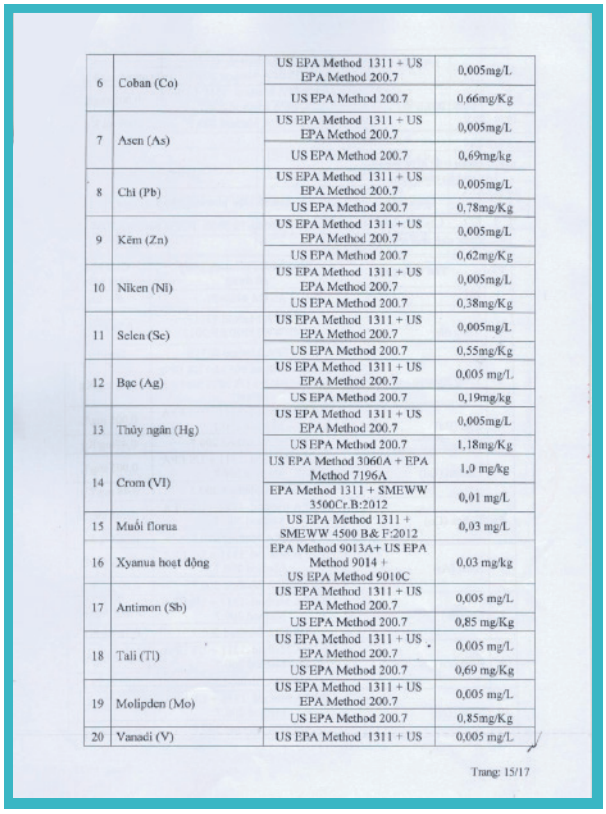

6	Coban (Co)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	0,66mg/Kg
7	Asen (As)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	0,69mg/kg
8	Chì (Pb)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	0,78mg/Kg
9	Kẽm (Zn)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	0,62mg/Kg
10	Niken (Ni)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	0,38mg/Kg
11	Selen (Se)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	0,55mg/Kg
12	Bạc (Ag)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,19mg/kg
13	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005mg/L
		US EPA Method 200.7	1,18mg/Kg
14	Crom (VI)	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A	1,0 mg/kg
		EPA Method 1311 + SMEWW 3500Cr.B:2012	0,01 mg/L
15	Muối florua	US EPA Method 1311 + SMEWW 4500 B& F:2012	0,03 mg/L
16	Xyanua hoạt động	EPA Method 9013A+ US EPA Method 9014 + US EPA Method 9010C	0,03 mg/kg
17	Antimon (Sb)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,85 mg/Kg
18	Tali (Tl)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,69 mg/Kg
19	Molipden (Mo)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,85mg/Kg
20	Vanadi (V)	US EPA Method 1311 + US	0,005 mg/L

Trang: 15/17

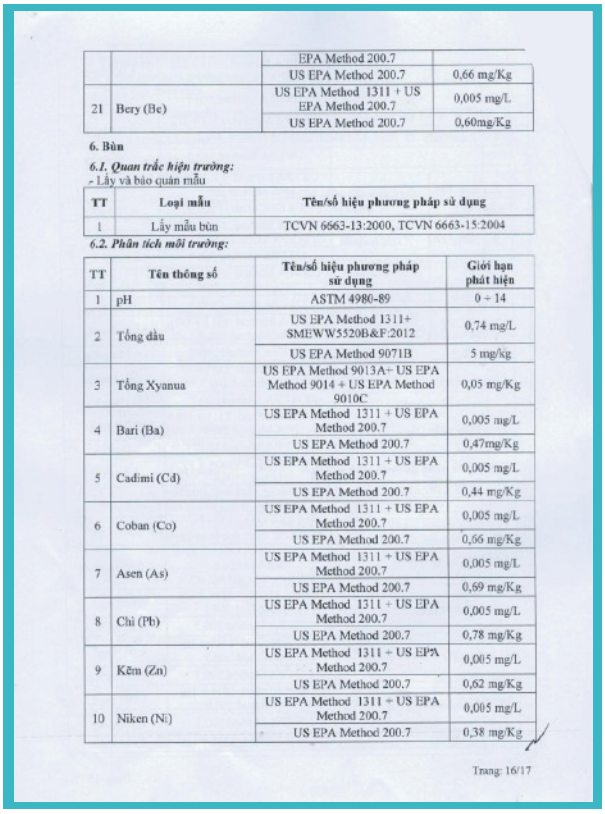

		EPA Method 200.7	
		US EPA Method 200.7	0,66 mg/Kg
21	Bery (Be)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,60mg/Kg

6. Bùn

6.1. Quan trắc hiện trường:

- Lấy và bảo quản mẫu

TT	Loại mẫu	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu bùn	TCVN 6663-13:2000, TCVN 6663-15:2004

6.2. Phân tích môi trường:

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện
1	pH	ASTM 4980-89	0 ÷ 14
2	Tổng dầu	US EPA Method 1311+ SMEWW5520B&F:2012	0,74 mg/L
		US EPA Method 9071B	5 mg/kg
3	Tổng Xyanua	US EPA Method 9013A+ US EPA Method 9014 + US EPA Method 9010C	0,05 mg/Kg
4	Bari (Ba)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,47mg/Kg
5	Cadimi (Cd)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,44 mg/Kg
6	Coban (Co)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,66 mg/Kg
7	Asen (As)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,69 mg/Kg
8	Chì (Pb)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,78 mg/Kg
9	Kẽm (Zn)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,62 mg/Kg
10	Niken (Ni)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,38 mg/Kg

Trang: 16/17

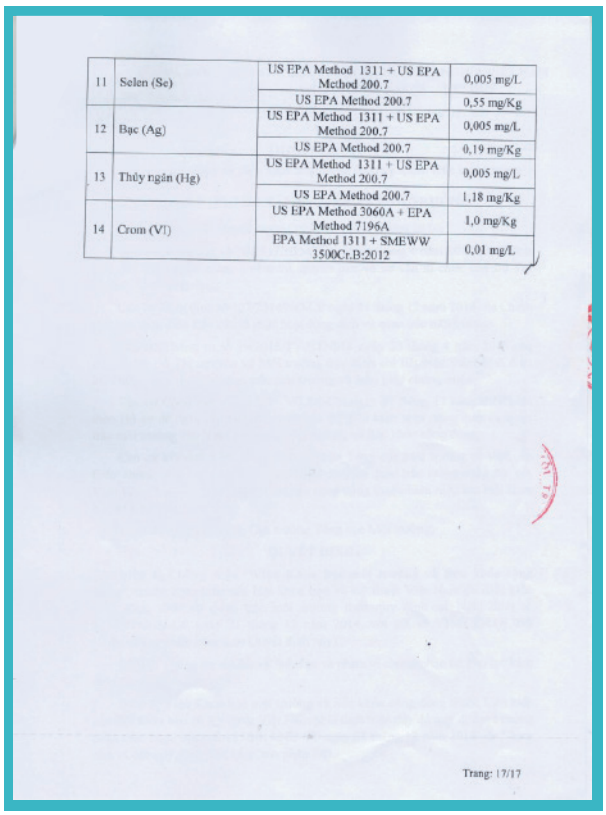

11	Selen (Se)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,55 mg/Kg
12	Bạc (Ag)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	0,19 mg/Kg
13	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,005 mg/L
		US EPA Method 200.7	1,18 mg/Kg
14	Crom (VI)	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A	1,0 mg/Kg
		EPA Method 1311 + SMEWW 3500Cr.B:2012	0,01 mg/L

Trang: 17/17

(**) Đơn vị liên kết Viện khoa học môi trường và sức khoẻ cộng đồng (IESH)

V. KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

TCSMOITRUONG CO., LTD
CN Hà Nội: Số 45a, ngõ 167 Tây Sơn, Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội
Trụ sở chính: Số 453/31/20A Lê Hồng Phong, Phú Hoà, Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 084 218 5555 | Website: tcsmoitruong.com | Email: ceohn@tcsmoitruong.com